ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 157 /KH-UBND	*Xuân Lộc, ngày 30 tháng 5 năm 2019*

KẾ HOẠCH

Thực hiện Đề án xây dựng huyện Xuân Lộc đạt nông thôn mới kiểu mẫu theo hướng "Phát triển sản xuất hàng hóa nông nghiệp bền vững" giai đoạn 2018 - 2025

VĂN BẢN ĐIỆN TỬ
KHÔNG GỞI VĂN BẢN GIẤY

Thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/HU ngày 16/4/2019 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện (Khóa VI) về lãnh đạo thực hiện Đề án xây dựng huyện Xuân Lộc đạt nông thôn mới kiểu mẫu theo hướng "Phát triển sản xuất hàng hóa nông nghiệp bền vững" giai đoạn 2018 - 2025, UBND huyện xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện đề án, với các nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Quán triệt và tổ chức thực hiện đạt và vượt các mục tiêu, nhiệm vụ được xác định tại Nghị quyết số 07-NQ/HU ngày 16/4/2019 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện (Khóa VI) về lãnh đạo thực hiện Đề án xây dựng huyện Xuân Lộc đạt nông thôn mới kiểu mẫu theo hướng "Phát triển sản xuất hàng hóa nông nghiệp bền vững" giai đoạn 2018 - 2025.

- Tạo cơ sở cho các xã, các ngành xác định lộ trình để xây dựng kế hoạch thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí đề ra các giải pháp thiết thực để giữ vững kết quả thực hiện nông thôn mới; đẩy mạnh thực hiện Bộ tiêu chí nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu của tỉnh Đồng Nai và Đề án xây dựng huyện Xuân Lộc đạt nông thôn mới kiểu mẫu theo hướng "Phát triển sản xuất hàng hóa nông nghiệp bền vững" trên địa bàn huyện.

2. Yêu cầu

- Các cơ quan, đơn vị, UBND các xã phối hợp với UBMTTQ Việt Nam và các đoàn thể huyện, xã tuyên truyền sâu rộng đến toàn thể nhân dân, để nhân dân hiểu được ý nghĩa sâu sắc công cuộc xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu; chủ động tổ chức thực hiện và khẳng định được vai trò chủ thể là của dân, trên cơ sở đó người dân tự nguyện tự giác tham gia cùng với hệ thống chính trị từ huyện đến xã thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu theo lộ trình của Kế hoạch đã đề ra.

- Các cơ quan, đơn vị và UBND các xã phối hợp chặt chẽ để tổ chức thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ được phân công theo lộ trình được giao đảm bảo tham mưu UBND huyện thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp xây dựng huyện đạt chuẩn nông thôn mới theo hướng phát triển hàng hóa bền vững đến năm 2025.

- Cán bộ công chức, viên chức từ huyện đến cơ sở tiếp tục phát huy tính tự lực, tự cường, năng động, sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ được giao với

quyết tâm cao. Cụ thể hóa mục tiêu Nghị quyết của Huyện ủy thành những việc làm cụ thể mang lại hiệu quả cao nhất.

II. MỤC TIÊU VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

1. Mục tiêu

- Đến năm 2020:

+ Trên 50% số xã đạt chuẩn NTM nâng cao (*từ 8/14 xã trở lên*);

+ Trên 20% số xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu theo hướng phát triển sản xuất hàng hóa nông nghiệp bền vững (*từ 03/14 xã trở lên*);

+ Thu nhập bình quân đầu người đạt trên 66,5 triệu đồng/người;

+ Giá trị sản xuất bình quân đất trồng trọt đạt 170 triệu đồng/ha; cây trồng chủ lực là 220 triệu đồng/ha;

+ Phấn đấu mỗi xã có ít nhất 01 mô hình sản xuất hàng hóa nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, tổ chức sản xuất trên quy mô lớn, sản phẩm được cấp chứng nhận nhãn hiệu hàng hóa và liên kết theo chuỗi giá trị;

+ Có ít nhất 08 sản phẩm nông nghiệp chủ lực được cấp chứng nhận sản xuất theo các tiêu chuẩn thực hành nông nghiệp tốt (GAP), trong đó ít nhất 05 sản phẩm được sản xuất đạt tiêu chuẩn xuất khẩu (hạng 4 sao hoặc 5 sao theo Bộ tiêu chí xếp hạng sản phẩm của Chương trình mỗi xã một sản phẩm - OCOP);

+ Huyện Xuân Lộc cơ bản đề xuất được bộ tiêu chí huyện nông thôn mới kiểu mẫu theo hướng "Phát triển sản xuất hàng hóa nông nghiệp bền vững"; trình Trung ương xem xét, ban hành.

- Đến năm 2025:

+ 100% số xã đạt chuẩn NTM nâng cao (*14/14 xã*);

+ Trên 50% số xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu theo hướng phát triển sản xuất hàng hóa nông nghiệp bền vững (*từ 08/14 xã trở lên*);

+ Thu nhập bình quân đầu người đạt 83 triệu đồng/người;

+ Giá trị sản xuất bình quân đất trồng trọt đạt 220 triệu đồng/ha; cây trồng chủ lực là 270 triệu đồng/ha;

+ Tại các xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu theo hướng phát triển sản xuất hàng hóa nông nghiệp bền vững, mỗi xã có ít nhất 02 mô hình sản xuất hàng hóa nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, tổ chức sản xuất trên quy mô lớn, sản phẩm được cấp chứng nhận nhãn hiệu hàng hóa và liên kết theo chuỗi giá trị;

+ Có ít nhất 10 sản phẩm nông nghiệp chủ lực được cấp chứng nhận sản xuất theo các tiêu chuẩn thực hành nông nghiệp tốt (GAP), trong đó ít nhất 07 sản phẩm được sản xuất đạt tiêu chuẩn xuất khẩu (hạng 4 sao hoặc 5 sao theo Bộ tiêu chí xếp hạng sản phẩm của Chương trình OCOP).

+ Huyện Xuân Lộc được Thủ tướng Chính phủ quyết định công nhận huyện đạt chuẩn NTM kiểu mẫu theo hướng "Phát triển sản xuất hàng hóa nông

nghiệp bền vững".

+ Phấn đấu có thêm 02 đến 03 mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ, công nghệ cao.

2. Lộ trình thực hiện

2.1. Giai đoạn 2019 - 2020

Nâng chất toàn diện các tiêu chí NTM nâng cao, đánh giá và thực hiện các tiêu chí NTM kiểu mẫu theo hướng sản xuất hàng hóa nông nghiệp bền vững.

- *Năm 2019:* Xây dựng xã Xuân Định đạt chuẩn NTM kiểu mẫu theo Quyết định số 931/QĐ-UBND ngày 29/3/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2018 - 2020, trong đó chọn phát triển sản xuất nông nghiệp làm kiểu mẫu. Xây dựng xã Lang Minh và Suối Cao đạt chuẩn NTM nâng cao của tỉnh.

- *Năm 2020:* Xây dựng xã Xuân Thọ và Bảo Hòa đạt chuẩn NTM kiểu mẫu theo hướng "Phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa bền vững". Xây dựng xã Xuân Trường đạt chuẩn NTM nâng cao.

2.2. Giai đoạn 2021 - 2025

- Giai đoạn 2021 - 2023: Phấn đấu 03 xã được công nhận đạt chuẩn NTM kiểu mẫu theo hướng sản xuất hàng hóa nông nghiệp bền vững (nâng tổng số xã NTM kiểu mẫu theo hướng sản xuất hàng hóa nông nghiệp bền vững lên 06/14 xã), cụ thể:

+ Năm 2021: Xây dựng xã Xuân Phú đạt chuẩn NTM kiểu mẫu, xã Xuân Bắc đạt chuẩn NTM nâng cao.

+ Năm 2022: Xây dựng xã Suối Cao đạt chuẩn NTM kiểu mẫu, xã Xuân Tâm đạt chuẩn NTM nâng cao.

+ Năm 2023: Xây dựng xã Lang Minh đạt chuẩn NTM kiểu mẫu, xã Xuân Hưng đạt chuẩn NTM nâng cao.

- Giai đoạn 2024 - 2025: Phấn đấu có ít nhất từ 02 đến 03 xã được công nhận đạt chuẩn NTM kiểu mẫu theo hướng sản xuất hàng hóa nông nghiệp bền vững {đạt mục tiêu trên 50% (8/14 đến 9/14) số xã đạt NTM kiểu mẫu theo hướng sản xuất hàng hóa nông nghiệp bền vững}; cụ thể:

+ Năm 2024: Xây dựng xã Xuân Bắc đạt chuẩn NTM kiểu mẫu, xã Xuân Hòa, Xuân Thành đạt chuẩn NTM nâng cao..

+ Năm 2025: Xây dựng xã Xuân Hiệp và Xuân Hưng đạt chuẩn NTM kiểu mẫu.

+ Các xã khác tùy theo điều kiện, lợi thế, phấn đấu đạt chuẩn NTM kiểu mẫu trên các lĩnh vực khác như cảnh quan, môi trường, an ninh trật tự, văn hóa, du lịch...

+ Huyện Xuân Lộc đạt các điều kiện và tiêu chí huyện NTM kiểu mẫu theo hướng sản xuất hàng hóa nông nghiệp bền vững.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tuyên truyền về Chương trình xây dựng nông thôn mới

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền xây dựng nông thôn mới theo Bộ tiêu chí nâng cao, kiểu mẫu của tỉnh, Quyết định số 69/QĐ-UBND ngày 08/01/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt Đề án xây dựng huyện Xuân Lộc đạt nông thôn mới kiểu mẫu theo hướng "Phát triển sản xuất hàng hóa nông nghiệp bền vững" giai đoạn 2018 - 2025, Quyết định của UBND tỉnh ban hành bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao và Nghị quyết số 07-NQ/HU ngày 16/4/2019 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện (Khóa VI) về lãnh đạo thực hiện Đề án xây dựng huyện Xuân Lộc đạt nông thôn mới kiểu mẫu theo hướng "Phát triển sản xuất hàng hóa nông nghiệp bền vững" giai đoạn 2018 - 2025 nhằm không ngừng nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm của toàn hệ thống chính trị, cán bộ, đảng viên, đoàn viên và quần chúng nhân dân.

- Đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền qua việc xây dựng kịch bản, pano, áp phích, tờ gấp; phát các tin bài hoặc tuyên truyền bằng hình thức hỏi đáp trên Đài Truyền thanh của huyện.

- Tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 60/KH-UBND ngày 15/3/2017 của UBND huyện về tiếp tục thực hiện chủ trương "Hướng về cơ sở" của cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn huyện và Kế hoạch số 180/KH-UBND ngày 26/9/2017 của UBND huyện về phát động phong trào thi đua xây dựng gia đình kiểu mẫu, tổ nhân dân kiểu mẫu để tăng cường đưa cán bộ về cơ sở, hỗ trợ thực hiện vận động nhân dân thực hiện Đề án xây dựng huyện nông thôn mới kiểu mẫu theo hướng phát triển hàng hóa nông nghiệp với nhiều hình thức đa dạng, phong phú, phù hợp với từng khu vực, đối tượng, đi vào chiều sâu.

Giao Phòng Văn hóa - Thông tin chủ trì phối hợp với các ngành của huyện, UBND các xã, thị trấn tham mưu UBND huyện thực hiện hoàn thành các nhiệm vụ nên trên.

2. Về quy hoạch và hoàn thiện kết cấu hạ tầng

2.1. Quy hoạch và thực hiện quy hoạch

- Đẩy nhanh tiến độ lập quy hoạch chung các xã; thực hiện rà soát, điều chỉnh các loại quy hoạch theo Luật Quy hoạch năm 2017 đảm bảo đồng bộ, phấn đấu hoàn thành trong năm 2019. Tuyên truyền nâng cao nhận thức của nhân dân và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc tổ chức thực hiện quy hoạch, nhằm đảm bảo phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch chung vùng huyện.

- Tổ chức rà soát việc thực hiện các quy hoạch như Quy hoạch sản xuất nông nghiệp huyện Xuân Lộc đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030, Quy hoạch sử dụng đất của huyện Xuân Lộc đến năm 2020, Quy hoạch thủy lợi tỉnh Đồng Nai... trong đó đảm bảo phát triển 4 tiểu vùng sản xuất nông nghiệp tập trung trên địa bàn huyện và duy trì, phát huy thế mạnh của các địa phương, các vùng sản xuất cây trồng chủ lực hiện có của toàn huyện; hình thành các vùng sản xuất tập trung với quy mô diện tích lớn, đảm bảo diện tích tối thiểu đối với

các vùng sản xuất >50 ha đối với cây trồng lâu năm và >10 ha đối với cây trồng hàng năm nhằm đảm bảo tính đồng bộ, phù hợp mục tiêu đề án theo Quyết định số 69/QĐ-UBND ngày 08/01/2019 của UBND tỉnh.

Giao Phòng Kinh tế và Hạ tầng chủ trì phối hợp với các ngành của huyện và UBND các xã tham mưu UBND huyện thực hiện đạt yêu cầu.

2.2. Về giao thông nông thôn

- Tiếp tục đầu tư, sửa chữa, nâng cấp, duy tu và xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông trên địa bàn huyện trong các vùng sản xuất tập trung, trong đó chú trọng xây dựng đường giao thông nội đồng; phấn đấu đến cuối năm 2021 đạt trên 70% số km đường nội đồng được nhựa hóa, bê tông hóa; hệ thống đường giao thông tiếp tục được đầu tư, mở rộng, nâng cấp đảm bảo đạt tiêu chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông vận tải tại Quyết định số 4927/QĐ-BGTVT ngày 25/12/2014. Dự kiến tổng kinh phí thực hiện khoảng 1.995 tỷ đồng, cụ thể như sau:

+ Về đường huyện: Giai đoạn 2018 - 2020, đầu tư xây dựng mở rộng các tuyến đường huyện dài 22,85 km; giai đoạn 2021 - 2025, đầu tư 24,35km, thực hiện bảo trì 13 km đáp ứng lưu lượng khai thác, đúng quy hoạch *(Đính kèm phụ lục).*

+ Về đường xã quản lý: Đầu tư xây dựng các tuyến đường giao thông nông thôn do xã quản lý giai đoạn 2018 - 2020 là 106,83 km; giai đoạn 2021 - 2025 là 56,85 km, trong đó chú trọng đầu tư xây dựng đường trục chính nội đồng phục vụ sản xuất và kết nối các vùng sản xuất, lưu thông hàng hóa *(Đính kèm phụ lục).*

- Tiếp tục thực hiện đầu tư theo phương thức nhà nước và nhân dân cùng làm để xây dựng đường giao thông nông thôn. Thực hiện thường xuyên việc duy tu sửa chữa gắn với thực hiện các mô hình tuyến đường kiểu mẫu đảm bảo các tiêu chí sáng, xanh, sạch, đẹp.

- Đảng ủy, UBND xã tiếp tục giao cho các đoàn thể các xã phụ trách, tổ chức thực hiện thường xuyên và gắn với các đợt dân vận của xã. Tập trung thực hiện tuyến đường kiểu mẫu gắn với khu vực xây dựng vườn mẫu, khu dân cư kiểu mẫu trên địa bàn và các khu vực dự kiến phát triển du lịch trên địa bàn.

Giao Phòng Kinh tế và Hạ tầng chủ trì phối hợp với các ngành của huyện và UBND các xã tham mưu UBND huyện thực hiện. Hàng năm rà soát đánh giá hiện trạng đường giao thông nông thôn để đưa vào kế hoạch thực hiện trong các năm tiếp theo.

2.3. Về thủy lợi

Tập trung đầu tư mới, nâng cấp sửa chữa các công trình thủy lợi hiện có, khai thác hiệu quả các công trình thủy lợi trên địa bàn huyện, nhằm đảm bảo nước tưới phục vụ sản xuất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng; trong đó tập trung thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp cụ thể sau:

- Thực hiện đầu tư, xây dựng các công trình thủy lợi để tăng diện tích tưới như công trình kênh mương cấp 2 và kênh mương nội đồng thuộc hệ thống kênh tưới của hồ Gia Măng. Rà soát, xác định các khu vực vùng tưới của hồ Gia Măng để vận động nhân dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng. Nâng cao hiệu quả sử dụng các công trình thủy lợi, nhất là đối với hồ 02 hồ thủy lợi đang hoạt động trên địa bàn huyện (hồ Gia Ui và hồ Núi Le).

- Kiến nghị Trung ương đầu tư công trình hệ thống trạm bơm điện La Ngà, công trình hồ Gia Ui 2; kiến nghị tỉnh đầu tư công trình hồ Gia Oi. Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của địa phương trong việc hỗ trợ thực hiện các dự án thủy lợi của Trung ương và Tỉnh trên địa bàn huyện.

- Tiếp tục nghiên cứu đề xuất chủ trương đầu tư một số công trình theo Quyết định số 4525/QĐ-UBND ngày 29/12/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt quy hoạch thủy lợi tỉnh Đồng Nai đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035.

- Tiếp tục khai thác hiệu quả các công trình thủy lợi trên địa bàn huyện, chủ động nâng cấp, sửa chữa để tăng diện tích phục vụ tưới trong mùa khô. Khuyến khích nhân dân thực hiện ngăn dòng, tích nước tại các dòng suối nhỏ để phục vụ sản xuất nông nghiệp bằng các đập dâng tạm, đập dâng bán kiên cố; hỗ trợ nhân dân xây dựng các đập tạm, đập bán kiên cố... Tận dụng và khai thác nguồn nước mặt; khai thác hiệu quả và tiết kiệm nguồn nước ngầm tại các cánh đồng đã có điện sản xuất phát triển diện tích tưới vào mùa khô *(Đính kèm phụ lục).*

- Thực hiện hỗ trợ các hộ nông dân trong các dự án cánh đồng lớn, chuỗi liên kết từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn huyện lắp đặt hệ thống tưới tiết kiệm, nâng cao tỷ lệ diện tích đất nông nghiệp trồng cây chủ lực có biện pháp tưới tiết kiệm lên trên 50% vào năm 2020 và tiếp tục tăng thêm 10% vào mỗi năm tiếp theo.

Giao Phòng Nông nghiệp và PTNT chủ trì phối hợp với các ngành của huyện và UBND các xã tham mưu UBND huyện thực hiện đảm bảo theo quy hoạch thủy lợi của tỉnh Đồng Nai.

2.4. Về điện nông thôn

Đầu tư đường dây điện trung thế, hạ thế và các trạm biến áp vào các cánh đồng, các vùng sản xuất tập trung của các xã, cụ thể như sau:

- Đầu tư xây dựng hạ tầng đường dây trung, hạ thế và trạm biến áp đến năm 2020 đáp ứng nhu cầu phục vụ sản xuất theo Kế hoạch đầu tư công 2016 - 2020. Tổng cộng có 15 công trình với tổng kinh phí là 11.202 triệu đồng. Ngoài ra, huyện phân bổ kinh phí đầu tư các công trình điện sản xuất trên địa bàn các xã giai đoạn 2021 - 2025 là 35.000 triệu đồng *(Đính kèm phụ lục).*

- Thực hiện bảo trì đường dây, trạm biến áp, hệ thống chiếu sáng công cộng. Tổ chức phát quang hành lang an toàn điện; đảm bảo khoảng cách an toàn đối với mỗi loại đường dây điện theo quy định.

Giao Phòng Kinh tế và Hạ tầng chủ trì phối hợp với các ngành của huyện

và UBND các xã tham mưu UBND huyện thực hiện. Hàng năm khảo sát, phát triển lưới điện phục vụ sản xuất trên địa bàn huyện.

2.5. Về trường học

- Đảm bảo nhu cầu nguồn vốn đầu tư xây dựng, cải tạo trường, lớp, cảnh quan sư phạm; đầu tư trang bị phương tiện, thiết bị dạy học theo hướng đạt chuẩn, tiên tiến. Trong đó, ngân sách Nhà nước sẽ là nguồn lực chủ yếu, đồng thời tích cực huy động nguồn vốn của các doanh nghiệp, các tổ chức xã hội, các tổ chức khác, nguồn vốn trong dân thông qua xã hội hóa, các chương trình, dự án hỗ trợ khác.

- Tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 215/KH-UBND ngày 25/12/2017 về xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn huyện giai đoạn 2018-2020; hàng năm xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch xây dựng trường đạt chuẩn và tái kiểm tra công nhận trường chuẩn quốc gia cụ thể từng đơn vị trường học; xây dựng kế hoạch nâng chất trường đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2021-2025 nhằm đảm bảo đạt tiêu chí về trường học theo lộ trình thực hiện của kế hoạch.

- Triển khai thực hiện đạt hiệu quả và đúng tiến độ các công trình trường học trong kế hoạch nguồn vốn đầu tư xây dựng trung hạn giai đoạn 2016-2020 đối với các đơn vị trường: MN Xuân Hòa, MN Xuân Thành; TH Nguyễn Khuyến (Xuân Thành), TH Trần Hưng Đạo (Xuân Hưng), TH Lạc Long Quân (Xuân Phú), TH Trần Quốc Toản (Xuân Hưng); THCS Nguyễn Đình Chiểu (Xuân Tâm), THCS Nguyễn Công Trứ (Xuân Hưng). Khảo sát bố trí nguồn vốn xây dựng trường học đưa vào kế hoạch đầu tư xây dựng trung hạn giai đoạn 2021-2025.

- Thực hiện nâng cấp, cải tạo các đơn vị trường: MN Bình Hòa (phân hiệu Bình Tân, MN Bảo Hòa (phân hiệu Bưng Cần): MN Xuân Bắc (phân hiệu chính và PH ấp 1, ấp 7), MN Xuân Hưng, MN Trảng Táo, MN Suối Cao (phân hiệu Gia Lào), MN Suối Cát (phân hiệu chính và phân hiệu), TH Đinh Tiên Hoàng (phân hiệu), TH Nguyễn Viết Xuân (phân hiệu A và B), TH Xuân Hưng, TH Kim Đồng, TH Xuân Trường, TH Nguyễn Bỉnh Khiêm, THCS Lê Lợi, THCS Ngô Sỹ Liên, MN Xuân Lộc, TH Lê Văn Tám, THCS Trưng Vương, THCS Lê Thánh Tông, TH Lam Sơn. Hàng năm, thực hiện kiểm tra, thẩm định cơ sở vật chất các trường học để kịp thời bố trí nguồn vốn nâng cấp, cải tạo đáp ứng yêu cầu tiêu chí trường chuẩn quốc gia.

Giao Phòng Giáo dục và Đào tạo chủ trì phối hợp với các ngành của huyện và UBND các xã tham mưu UBND huyện thực hiện

2.6. Về cơ sở vật chất các thiết chế văn hóa, thể thao

Triển khai thực hiện tốt Kế hoạch số 147-KH/HU ngày 03/12/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện về thực hiện Kết luận số 501-KL/TU ngày 15/6/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa X) về Đề án nâng cao hiệu quả hoạt động của các thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở phục vụ nhân đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, cụ thể như sau:

- Thực hiện đầu tư, nâng cấp nhà văn hóa các ấp chưa đáp ứng yêu cầu và lộ trình đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao đối với các xã gồm: Nhà văn hóa ấp 2A, ấp 3A, ấp 3B, ấp 4A, ấp 5 (xã Xuân Bắc); nhà văn hóa ấp Trung Hưng, ấp Trung Lương (xã Xuân Trường).

- Đầu tư, nâng cấp nhà văn hóa của các làng dân tộc, gồm nhà văn hóa dân tộc Stiêng tại ấp 2 (xã Xuân Hòa) và nhà văn hóa dân tộc Châu Ro tại ấp Thọ Trung (xã Xuân Thọ), Trung tâm VHHTCĐ xã Xuân Hòa và xã Xuân Hưng với tổng kinh phí 10,8 tỷ đồng *(Đính kèm phụ lục)*.

- Kêu gọi đầu tư khu vui chơi, giải trí, thể dục, thể thao dành cho công nhân tại các khu công nghiệp và các khu dân cư tập trung.

- Kêu gọi xã hội hóa đầu tư hạ tầng, trang thiết bị trong Trung tâm văn hóa thể thao học tập cộng đồng xã và nhà văn hóa ấp để thu hút người dân tham gia các hoạt động văn hóa, thể thao. Đồng thời kêu gọi xã hội hóa xây dựng hồ bơi tại các xã đảm bảo đạt tiêu chuẩn theo quy định của tỉnh.

Giao Phòng Văn hóa - Thông tin chủ trì phối hợp với các ngành của huyện và UBND các xã tham mưu UBND huyện thực hiện đảm bảo đạt tiêu chí.

2.7. Về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn

Tiếp tục huy động, khai thác các nguồn lực của các chủ thể sản xuất kinh doanh và nhân dân trên địa bàn để phát triển đầu tư nâng cấp chợ, trong đó tập trung thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp cụ thể như sau:

- Rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch hệ thống chợ trên địa bàn huyện.

- Phát triển các cửa hàng kinh doanh tiện lợi hoặc cửa hàng kinh doanh tổng hợp hoặc siêu thị mini tại các địa điểm phù hợp ở các xã, nhất là các xã chưa có quy hoạch chợ hoặc có quy hoạch chợ chưa phù hợp với nhu cầu mua bán của người dân như xã Xuân Định, Suối Cao và xã Xuân Hiệp.

- Giải tỏa các tụ điểm kinh doanh tự phát. Thực hiện chuyển đổi loại hình HTX đầu tư xây dựng chợ Lang Minh và chợ Tân Hữu sang loại hình doanh nghiệp quản lý chợ, hoàn thành trong năm 2019.

- Tiếp tục nâng cấp cơ sở vật chất chợ, không để xảy ra tình trạng xuống cấp, đảm bảo nhu cầu cho các hộ tiểu thương kinh doanh trong chợ. Các ngành chuyên môn và UBND các xã rà soát, bổ sung các điều kiện tại chợ theo tiêu chuẩn chợ văn hóa được quy định tại Quyết định số 52/2015/QĐ-UBND ngày 22/12/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành về quy định về tổ chức, quản lý và phát triển chợ để giữ vững tiêu chí chợ văn hóa. Kinh phí thực hiện cả giai đoạn khoảng 14 tỷ đồng.

Giao Phòng Kinh tế và Hạ tầng chủ trì phối hợp với các ngành của huyện và UBND các xã tham mưu UBND huyện thực hiện..

3. Về phát triển kinh tế nâng cao thu nhập

3.1. Về sản xuất nông nghiệp

Thực hiện quy hoạch các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung gắn với

chuyển đổi cơ cấu cây trồng

- Tiếp tục thực hiện tốt Quy hoạch sản xuất nông nghiệp huyện Xuân Lộc đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 đã được phê duyệt tại Quyết định số 576/QĐ-UBND ngày 01/3/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai, trong đó huyện chia các địa phương ra 4 tiểu vùng sản xuất. Trong quá trình thực hiện thường xuyên cập nhật, điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tiễn tại địa phương theo đúng trình tự quy định pháp luật. Duy trì, phát huy thế mạnh của các địa phương, các vùng sản xuất cây trồng chủ lực hiện có của toàn huyện. Hình thành các vùng sản xuất tập trung với quy mô diện tích lớn, đảm bảo diện tích đạt tiêu chí về quy mô đã được quy định tại Đề án. Thực hiện đồng bộ áp dụng cơ giới hóa trong các khâu sản xuất để giảm chi phí sản xuất. Duy trì phát triển chăn nuôi bền vững trên địa bàn huyện, di dời các cơ sở chăn nuôi trong khu dân cư; tiếp tục xây dựng 08 vùng chăn nuôi an toàn, vùng an toàn dịch bệnh trên gia súc và gia cầm tại các xã: Xuân Hiệp, thị trấn Gia Ray, Xuân Tâm, Bảo Hòa, Xuân Phú, Xuân Thọ, Suối Cát, Lang Minh. Duy trì hoạt động của 21 tổ hợp tác thực hành chăn nuôi tốt (GAHP) tại các xã.

- Nâng cao hiệu quả sử dụng đất; tập trung vận động người dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng kém hiệu quả sang cây trồng có giá trị kinh tế cao, huyện sẽ tập trung đẩy mạnh việc áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp, sản xuất ứng dụng công nghệ cao, phát triển mạnh công nghiệp phục vụ nông nghiệp; các dịch vụ, nhất là dịch vụ thủy lợi, giống, phân bón, thú y và bảo vệ thực vật; du lịch gắn với phát triển nông nghiệp... Trong giai đoạn 2019 - 2025, vận động nhân dân thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, chuyển đổi giảm 500 ha lúa sang trồng rau, thanh long, bưởi (tại các xã như Xuân Thọ, Xuân Phú, Xuân Hưng, Xuân Trường, Xuân Thành); giảm 1.395 ha các loại cây trồng như: cà phê, điều, tiêu, cao su, cây ăn quả khác (tại Xuân Phú, Xuân Thọ, Xuân Hiệp, Suối Cao, Xuân Bắc, Xuân Thọ, Xuân Hưng, Xuân Tâm) sang trồng rau, thanh long, sầu riêng, bưởi, xoài, cam, quýt, mãng cầu, bơ.

Xây dựng các mô hình liên kết tổ chức sản xuất hàng hóa quy mô lớn:

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã, tổ hợp tác trên địa bàn huyện gắn với việc đẩy mạnh xây dựng các chuỗi liên kết sản xuất tiêu thụ sản phẩm. Thực hiện tốt các dự án cánh đồng lớn đã được phê duyệt; tiếp tục xây dựng các dự án cánh đồng lớn mới, trên cơ sở quy hoạch vùng của huyện, nhất là tại các vùng cây ăn trái Xuân Bắc, Xuân Hưng, Xuân Hòa, Xuân Hiệp, Bảo Hòa và Xuân Định.

- Triển khai đúng lộ trình và có hiệu quả đối với 6 chuỗi liên kết được duyệt và hình thành thêm 5 chuỗi liên kết, gồm: Dự án cánh đồng lớn lúa bắp xã Lang Minh, dự án cánh đồng lớn cây rau, xã Xuân Thành; dự án chuỗi liên kết trên cây xoài, bưởi, cam, quýt xã Xuân Bắc; dự án chuỗi liên kết cây xoài xã Suối Cao, dự án chuỗi liên kết cây nhãn xã Xuân Tâm.

- Tiếp tục thực hiện các chính sách đào tạo nghề cho lao động trong HTX; cử đi tập huấn, đào tạo nâng cao năng lực tổ chức, quản lý, tiếp cận thị trường cho cán bộ quản lý HTX, chủ trang trại; hỗ trợ, ưu đãi về hạ tầng, đất đai, vốn,

vật tư sản xuất và ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất theo tiêu chuẩn chứng nhận, xây dựng nhãn hiệu hàng hóa, xúc tiến thương mại...

- Hướng phát triển các mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm gắn với tiềm năng khai thác du lịch, áp dụng trước tiên tại các mô hình sầu riêng Xuân Định, Xoài Suối Lớn, Đồi Sabi Xuân Bắc, Bưởi Lộc Xuân, xã Xuân Hiệp...

Tăng cường đầu tư, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ cao trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm:

- Áp dụng các tiến bộ khoa học công nghệ trong các khâu của quy trình sản xuất: Giống, vật tư đầu vào, cơ giới hóa, tự động hóa, thu hoạch, chế biến, đóng gói, vận chuyển... Khuyến khích đầu tư cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp; trong chăn nuôi, từng bước ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong cơ giới hóa khâu vận chuyển, tự động hóa khâu cung cấp thức ăn, nước uống, ứng dụng rộng rãi công nghệ chăn nuôi theo quy trình chăn nuôi an toàn, chuồng kín, xử lý chất thải kết hợp với sản xuất phân hữu cơ vi sinh; trong trồng trọt, tăng cường cơ giới hóa trên đồng ruộng, phát triển các mô hình rau, hoa sản xuất trong nhà lưới, nhà màng, sử dụng các loại giống mới có năng suất, chất lượng cao, thích ứng với biến đổi khí hậu, thực hành sản xuất theo các tiêu chuẩn có chứng nhận...

- Nâng cao tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp áp dụng quy trình sản xuất nông nghiệp tốt. Giai đoạn 2018 - 2020, xây dựng mới chứng nhận VietGAP trẹn các sản phẩm: Lúa gạo Xuân Tiến, nhãn Xuân Tâm (đạt VietGAP); hồ tiêu Xuân Thọ, xoài Suối Lớn (đạt GlobalGAP). Đồng thời vận động, hỗ trợ các cơ sở sản xuất kinh doanh xây dựng nhãn hiệu hàng hóa cho các sản phẩm. Giai đoạn 2021 - 2025, tiếp tục hỗ trợ các hợp tác xã xây dựng chứng nhận VietGAP theo nhu cầu của các đơn vị.

- Thực hiện tốt các nhiệm vụ khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp như đẩy nhanh công tác hỗ trợ đền bù, giải phóng mặt bằng....

- Thúc đẩy hình thành các mô hình liên kết có hiệu quả giữa các tổ chức của nông dân hợp tác xã, tổ hợp tác, câu lạc bộ năng suất cao với doanh nghiệp trên địa bàn huyện trong ứng dụng các công nghệ sạch, an toàn, xử lý môi trường.

Đẩy mạnh thu hút các doanh nghiệp đầu tư ứng dụng công nghệ cao:

Tập trung thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn tại huyện, ưu tiên các ngành nghề sản xuất, chế biến, tiêu thụ có liên quan đến nông nghiệp, nhất là sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Thực hiện các giải pháp đẩy nhanh tiến độ hỗ trợ bồi thường, giải phóng mặt bằng và hồ sơ thủ tục và giới thiệu vị trí, khu vực cần đầu tư tại các vùng như: Vùng đất thu hồi của xí nghiệp Cọ Dầu tại xã Xuân Hòa khoảng 154 ha; vùng đất thu hồi của Công ty Chế biến Kinh doanh thực phẩm Đồng Nai tại xã Xuân Thành có diện tích 53 ha; vùng đất công do xã Xuân Thành quản lý có diện tích 105 ha; khu đất

thu hồi của Sư đoàn 302 tại xã Xuân Trường và thị trấn Gia Ray có diện tích 200 ha; khu đất thu hồi của Trung tâm xúc tiến việc làm xã Xuân Phú có diện tích 91 ha.

Xây dựng mô hình kiểu mẫu về sản xuất hàng hóa nông nghiệp bền vững tại các xã:

Tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 2910/QĐ-UBND ngày 10/9/2018 của UBND huyện về việc giao chỉ tiêu xây dựng mô hình sản xuất nông nghiệp kiểu mẫu trên địa bàn huyện Xuân Lộc, giai đoạn 2018 - 2025; Quyết định 3864/QĐ-UBND ngày 04/12/2018 về ban hành Bộ tiêu chí và Hướng dẫn số 360/HD-UBND ngày 04/12/2018 về Hướng dẫn xây dựng và thực hiện mô hình sản xuất nông nghiệp kiểu mẫu trên địa bàn huyện Xuân Lộc, giai đoạn 2018 - 2025. Giai đoạn 2018 - 2020 phấn đấu hướng dẫn hoàn thành 09/24 mô hình để được đánh giá công nhận mô hình sản xuất nông nghiệp kiểu mẫu (gồm: Xuân Định 02 mô hình (sầu riêng, chôm chôm); Xuân Thọ 02 mô hình (hồ tiêu, lúa bắp + rau); Xuân Phú 02 mô hình (lúa bắp Xuân Tiến, thanh long); Bảo Hòa 01 mô hình (thủy sản kết hợp cây ăn trái); Xuân Hiệp 01 mô hình (rau Lộc Tiến); Xuân Hưng 01 mô hình (xoài Suối Lớn).

Thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm: Năm 2019 xây dựng sản phẩm sầu riêng của xã Xuân Định, sản phẩm trứng gà của Công ty Thanh Đức - xã Xuân Phú đạt chuẩn theo Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP). Năm 2020, xây dựng sản phẩm xoài Suối Lớn, gạo sạch Xuân Tiến, hồ tiêu, chim trĩ xã Xuân Thọ, nấm linh chi tại xã Xuân Định đạt chuẩn OCOP. Giai đoạn 2021 - 2025, mỗi năm xây dựng từ 5 đến 10 sản phẩm đạt chuẩn OCOP.

Giao Phòng Nông nghiệp và PTNT chủ trì phối hợp với các ngành của huyện và UBND các xã tham mưu UBND huyện thực hiện đảm bảo gắn với việc thực hiện 6 tiêu chí huyện nông thôn mới kiểu mẫu theo hướng "Phát triển sản xuất hàng hóa nông nghiệp bền vững".

3.2. Về công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp

Thực hiện kêu gọi đầu tư sản xuất vào các ngành công nghiệp bảo quản và chế biến nông sản thực phẩm, sản xuất và chế biến gỗ, công nghiệp phục vụ nông nghiệp và các ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động, trong đó tập trung thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể như sau:

- Thực hiện có hiệu quả công tác khuyến công trên địa bàn huyện như hỗ trợ đào tạo lao động, hỗ trợ đầu tư các công nghệ mới trong sản xuất cho các cơ sở công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp. Chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu. Tổ chức xét tặng danh hiệu nghệ nhân, danh hiệu thợ giỏi trong nghề thủ công mỹ nghệ nhằm khích lệ khả năng sáng tạo và nâng cao năng suất lao động.

- Đầu tư hạ tầng Cụm công nghiệp Xuân Hưng quy mô diện tích theo quy hoạch là 19,04 ha và dự kiến mở rộng 63,15 ha theo nhu cầu của chủ đầu tư. Kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư sản xuất trong cụm công nghiệp. Thực hiện các chính sách hỗ trợ duy trì và phát triển ngành nghề mây tre lá, gỗ mỹ nghệ tại

khu vực các xã Xuân Tâm - Xuân Hưng - Xuân Hòa.

Giao Phòng Kinh tế và Hạ tầng chủ trì phối hợp với các ngành của huyện và UBND các xã tham mưu UBND huyện thực hiện.

3.3. Về thương mại - dịch vụ - du lịch

Khai thác thương mại, dịch vụ, kết nối tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, gắn với chương trình "Mỗi xã một sản phẩm", trong đó tập trung thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp cụ thể như sau:

- Đẩy mạnh phát triển các loại hình kinh doanh: Khuyến khích, hỗ trợ hoạt động thương mại, dịch vụ theo mô hình hợp tác xã, doanh nghiệp; mô hình chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Thúc đẩy hình thành các nhà phân phối chuyên nghiệp; hình thành hệ thống bán buôn, bán lẻ, phân bố hài hoà đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của nhân dân.

- Xây dựng và phát triển bảo hộ thương hiệu cho các mặt hàng nông sản chủ lực, đặc trưng của huyện; phát huy lợi thế về vị trí địa lý của huyện, tập trung hình thành các điểm giới thiệu sản phẩm nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, gắn với chương trình "Mỗi xã một sản phẩm". Đồng thời sớm hoàn thành Trung tâm Logistics tại huyện nhằm hỗ trợ tạo thuận lợi cho việc giới thiệu các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của huyện.

- Kêu gọi đầu tư kết cấu hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch nhất là các điểm du lịch tiềm năng như: Hồ Núi Le, Hồ Gia Ui, Thác Trời, Căn cứ Rừng Lá, Di tích lịch sử - danh lam thắng cảnh Quốc gia Núi Chứa Chan. Phát triển đa dạng các sản phẩm du lịch phù hợp với thế mạnh của huyện; phát triển các tuyến du lịch tâm linh, lịch sử văn hóa, sinh thái gắn với du lịch nông thôn mới.

Giao Phòng Kinh tế và Hạ tầng chủ trì phối hợp với các ngành của huyện và UBND các xã tham mưu UBND huyện thực hiện.

3.4. Về an toàn vệ sinh thực phẩm

Thực hiện tốt công tác an toàn vệ sinh thực phẩm trong sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện, trong đó tập trung thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp cụ thể như sau:

- Duy trì phát triển chăn nuôi bền vững trên địa bàn huyện, di dời các cơ sở chăn nuôi trong khu dân cư; tiếp tục xây dựng 08 vùng chăn nuôi an toàn, vùng an toàn dịch bệnh trên gia súc và gia cầm tại các xã: Xuân Hiệp, thị trấn Gia Ray, Xuân Tâm, Bảo Hòa, Xuân Phú, Xuân Thọ, Suối Cát, Lang Minh. Duy trì hoạt động của 21 tổ hợp tác thực hành chăn nuôi tốt (GAHP) tại các xã.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát nhằm kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các vi phạm về chất lượng, ATTP theo quy định của pháp luật. Thanh tra cơ sở loại C và xử lý nghiêm theo quy định tại Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014 Quy định việc kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và kiểm tra, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

- Kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư để nhân rộng mô hình sản xuất nông

nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn huyện, ưu tiên việc ứng dụng công nghệ sinh học tiên tiến trong các khâu sản xuất nông nghiệp. Tuyên truyền nâng cao ý thức của người nông dân, nhằm thay đổi tập quán canh tác, thay phân vô cơ bằng phân bón hữu cơ vi sinh...trong đó, nội dung chính là thực hiện tốt các quy định tại Thông tư 51/2014/TT-BNNPTNT ngày 27/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm và phương thức quản lý đối với các cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ. Từng bước hình thành các vùng sản xuất sạch, an toàn không gây ô nhiễm quỹ đất tiếp tục tạo cơ hội cho thế hệ mai sau.

Giao Phòng Nông nghiệp và PTNT chủ trì phối hợp với các ngành của huyện và UBND các xã tham mưu UBND huyện thực hiện.

4. Đổi mới, nâng cao chất lượng các hình thức tổ chức sản xuất

Phát triển sản xuất theo hình thức kinh tế tập thể, trong đó tập trung thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp cụ thể như sau:

- Tiếp tục tuyên truyền Luật Hợp tác xã năm 2012, Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã, Nghị định số 151/2007/NĐ-CP ngày 10/10/2007 về tổ chức hoạt động của Tổ hợp tác. Kiện toàn, củng cố nâng cao nâng lực bộ máy quản lý, hướng dẫn hỗ trợ các HTX, THT hoạt động ổn định, có hiệu quả. Giai đoạn 2019 - 2020 thành lập mới 08 HTX gắn với mô hình sản xuất nông nghiệp kiểu mẫu, nâng tổng số hợp tác xã nông nghiệp lên 34 HTX. Giai đoạn 2021-2025, tiếp tục thành lập mới các HTX, củng cố hỗ trợ hoạt động các HTX xây dựng phương án sản xuất kinh doanh, chuỗi liên kết từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm, xây dựng đăng ký và bảo hộ nhãn hiệu đối với HTX có nhu cầu. Tạo điều kiện hỗ trợ HTX đưa thông tin, hình ảnh sản phẩm, quảng bá thương hiệu trên cổng thông tin điện tử huyện, trên Website hoặc các hội chợ triển lãm, khảo sát thị trường theo chương trình xúc tiến thương mại của tỉnh.

- Củng cố hoạt động của các tổ hợp tác, nâng cao chất lượng hoạt động của câu lạc bộ năng suất cao; đảm bảo các tổ hợp tác trên địa bàn huyện hoạt động đúng theo yêu cầu tại Nghị định số 151/2007/NĐ-CP ngày 10/10/2007 của Chính phủ về tổ chức hoạt động của Tổ hợp tác. Tiếp tục vận động các hộ nông dân tham gia vào các hình thức kinh tế tập thể để được hưởng các chính sách ưu đãi, khuyến khích sản xuất của nhà nước, nhất là chính sách hỗ trợ hoạt động của các chuỗi liên kết; đồng thời nâng cao tỷ lệ hộ sản xuất kinh doanh trên địa bàn huyện trên 60% đến năm 2025.

Giao Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì phối hợp với các ngành của huyện và UBND các xã tham mưu UBND huyện thực hiện. Hàng năm tổ chức đánh giá tình hình hoạt động của các hợp tác xã.

5. Về hộ nghèo và An sinh xã hội

Tập trung huy động nguồn lực, đảm bảo đủ nguồn vốn để tổ chức thực các chính sách, dự án thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo: Hỗ trợ cho người nghèo, cận nghèo về sản xuất, học nghề, tạo việc làm, tăng thu nhập

để phát triển sản xuất, kinh doanh; đẩy mạnh xây dựng và nhân rộng mô hình, cách làm ăn có hiệu quả thoát nghèo bền vững. Phối hợp chặt chẽ, triển khai đồng bộ các hoạt động để người nghèo được tiếp cận với các chính sách giảm nghèo, vay vốn ưu đãi, tín dụng của ngân hàng chính sách xã hội... Thực hiện tốt chính sách đào tạo dạy nghề cho lao động nông thôn, nhất là lao động thuộc hộ nghèo xuất khẩu lao động và dạy nghề, tạo việc làm mới cho lao động. Thực hiện 05 chính sách đối với hộ mới thoát nghèo trong thời hạn 3 năm đối với chính sách tín dụng và 02 năm đối với chính sách y tế, giáo dục, đào tạo và khuyến nông, khuyến công. Hỗ trợ hộ nghèo thông qua công tác dân vận chính quyền, phân công cán bộ, công chức, viên chức từ huyện đến cơ sở sâu sát từng hộ nghèo để có giải pháp cụ thể giúp vượt nghèo bền vững. Tiếp tục thực hiện các mô hình "*dân giúp dân vượt nghèo*" do các đoàn thể thực hiện. Dự báo thị trường lao động ngắn hạn và dài hạn nhằm cung cấp các thông tin về cơ hội việc làm gắn với đào tạo nghề.

Giao Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với các ngành của huyện và UBND các xã tham mưu UBND huyện thực hiện. Hàng năm tổ chức đánh giá tiến độ thực hiện Chương trình giảm nghèo.

6. Về y tế, giáo dục, văn hóa

6.1. Về giáo dục:

- Chỉ đạo thực hiện tốt công tác đổi mới phương pháp dạy học, giáo dục toàn diện, kiểm tra, đánh giá, thi cử; tạo chuyển biến về nhận thức, ý thức tôn trọng pháp luật; nâng cao trí lực, tri thức, thể lực, đạo đức, kỹ năng sống; chú trọng dạy học ngoại ngữ và tin học, đào tạo năng khiếu. Thực hiện tốt công tác tự đánh giá chất lượng giáo dục và công khai mức chất lượng của tất cả các trường học trên địa bàn huyện, thực hiện tốt kiểm định chất lượng; đảm bảo công bằng trong đánh giá, thi đua, đầu tư phát triển giữa các ngành học.

- Thực hiện duy trì tỷ lệ 100% trẻ 6 tuổi vào lớp 1; tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học ≥ 95%, số trẻ em còn lại đang học tiểu học; tỷ lệ thanh, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 đang học chương trình giáo dục phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông hoặc giáo dục nghề nghiệp đạt ≥ 95%.

- Giữ vững 14/14 xã đạt chuẩn xóa mù chữ. Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng 14/14 xã được công nhận đạt chuẩn phổ cập trẻ mầm non 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở. Đảm bảo các xã trong lộ trình thực hiện nông thôn mới kiểu mẫu đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ mức độ 2, phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở mức độ 3.

- Triển khai thực hiện tốt kế hoạch tuyển sinh hàng năm; phát huy công tác phối hợp chặt chẽ giữa các ban ngành, đoàn thể trong công tác tuyển sinh đầu năm học và vận động học sinh ra lớp; nâng cao vai trò, trách nhiệm của UBND các xã, thị trấn và các đơn vị trường học trong việc chủ động xây dựng kế hoạch tuyển sinh, kế hoạch vận động học sinh ra lớp và công tác triển khai thực hiện.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Kế hoạch 151/KH-UBND ngày 6/8/2015 của UBND huyện về việc nâng cao chất lượng huyện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2015-2020 trong trường học.

Giao Phòng Giáo dục và Đào tạo chủ trì phối hợp với các ngành của huyện và UBND các xã tham mưu UBND huyện thực hiện.

6.2. Về Y tế:

Phát triển, nâng cấp mạng lưới y tế cơ sở hiện có; đẩy mạnh phát triển y tế tư nhân gắn với nâng cao chất lượng chuyên môn đội ngũ y bác sỹ, nhân viên y tế với mục tiêu: Cơ sở y tế thân thiện vì cuộc sống cộng đồng; giữ vững chuẩn bệnh viện hạng 3 tại Trung tâm Y tế và tiêu chí quốc gia tại 15 xã, thị trấn. Tăng cường tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia Bảo hiểm y tế, gắn với nâng cao chất lượng khám chữa bệnh và cải cách hành chính trong lĩnh vực y tế; Thực hiện các giải pháp giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng theo thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) của trẻ dưới 5 tuổi. Thực hiện quản lý sức khỏe cho người dân bằng phần mềm đạt tỷ lệ > 90% dân số của từng địa bàn xã. Thực hiện tuyên truyền biện pháp tránh thai, sinh đẻ có kế hoạch, nhằm giữ ổn định tỷ lệ tăng dân số tự nhiên dưới 1%.

Giao Phòng Y tế chủ trì phối hợp với các ngành của huyện và UBND các xã tham mưu UBND huyện thực hiện.

6.3 Về văn hóa:

- Xây dựng hạ tầng - kinh tế, phát huy nét đẹp văn hóa tại các làng văn hóa dân tộc để kết nối và phát triển các tuyến du lịch nông thôn mới, du lịch văn hóa cộng đồng tại các làng dân tộc, gắn với phát triển du lịch văn hóa cộng đồng. Đổi mới nội dung và hình thức hoạt động văn hóa, văn nghệ, nâng cao chất lượng phong trào văn hóa, thể thao quần chúng, tập trung hướng về cơ sở. Thực hiện có hiệu quả Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa", trọng tâm là xây dựng gia đình văn hóa, ấp văn hóa gắn với phong trào thi đua thực hiện xây dựng "Gia đình kiểu mẫu", "Tổ nhân dân kiểu mẫu". Đẩy mạnh tuyên truyền thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội; xây dựng và thực hiện tốt hương ước, quy ước để phát huy vai trò tự quản của cộng đồng dân cư trong việc giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, môi trường gắn với thực hiện dân chủ ở cơ sở, bảo vệ, giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, phong tục, tập quán tốt đẹp của dân tộc. Xây dựng hình ảnh con người Xuân Lộc với đặc trưng "Có tinh thần yêu nước, yêu quê hương, trọng nghĩa, trọng tình, cần cù, sáng tạo, có ý thức khát vọng vươn lên".

Giao Phòng Văn hóa - Thông tin chủ trì phối hợp với các ngành của huyện và UBND các xã tham mưu UBND huyện thực hiện.

7. Về môi trường

Triển khai thực hiện đạt các mục tiêu của Đề án cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến 2015 và giai đoạn 2016- 2020: Kêu gọi các đơn vị tiếp tục phát triển hệ thống đường ống cung cấp nước sạch trên địa bàn huyện.

Tuyên truyền nâng cao ý thức sử dụng nước sạch trong nhân dân; phấn đấu đến năm 2020 có 80% số hộ dân sử dụng nước sạch, đến năm 2025 có trên 90% số hộ dân trên địa bàn huyện sử dụng nước sạch.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường; nâng cao nhận thức, vai trò của cộng đồng trong việc chung tay xây dựng môi trường sống "xanh, sạch, đẹp, an toàn"; tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình hành động số 05-CTr/HU ngày 02/11/2015 của Huyện ủy về "Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên, bảo vệ và cải thiện chất lượng môi trường giai đoạn 2015-2020. Hàng năm xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động trên địa bàn huyện; kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm về bảo vệ môi trường. Xử lý kịp thời, nghiêm minh các hành vi khai thác khoáng sản trái phép trên địa bàn huyện

Khuyến khích đầu tư các dự án công ích, các dự án có công nghệ sản xuất thân thiện với môi trường; chỉ đạo các cơ quan, đơn vị chức năng tổ chức, phối hợp thẩm định dự án theo quy định về đất đai, môi trường. Tăng cường công tác vận động các hộ dân đăng ký thu gom rác thải sinh hoạt; hoàn thiện hệ thống thu gom, xử lý chất thải sinh hoạt trên địa bàn huyện.

Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với các ngành của huyện và UBND các xã tham mưu UBND huyện thực hiện. Hàng năm tổ chức kiểm tra đánh giá công tác bảo vệ môi trường của các cơ sở sản xuất kinh doanh.

8. Huy động nguồn lực

Tập trung huy động và sử dụng có hiệu quả, hợp lý mọi nguồn lực, chủ yếu là nguồn lực xã hội cùng với phát huy nội lực ở từng địa phương và trong nhân dân để thực hiện theo các mục tiêu, nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu, trong đó tập trung thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp cụ thể như sau:

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền hỗ trợ người nộp thuế, song song với thực hiện các biện pháp quản lý một cách cương quyết, triệt để, mạnh dạn áp dụng các biện pháp cưỡng chế thu hồi nợ thuế; đẩy mạnh công tác kiểm tra, xem đó là giải pháp phòng ngừa hành vi vi phạm pháp luật về thuế; triển khai thực hiện các chính sách thuế mới đến người nộp thuế kịp thời, tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất cho người nộp thuế vừa hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế vừa phát triển được sản xuất kinh doanh.

- Thực hiện đa dạng hóa hình thức đầu tư nhằm thu hút đầu tư của khu vực tư nhân, cho phép tư nhân được tham gia dưới nhiều hình thức khác nhau, như hợp đồng BOT, BTO, BT..., để thu hút các nguồn lực đầu tư ngoài ngân sách nhà nước cho đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng và phát triển kinh tế - xã hội.

- Huy động nguồn lực trong dân để đẩy mạnh đầu tư phát triển qua nhiều hình thực bằng tiền, ngày công hoặc tài sản. Qua đó, phải đảm bảo yếu tố công bằng và dân chủ cơ sở, thực hiện nghiêm chế độ công khai minh bạch trong huy động nguồn vốn để đầu tư, trong đó công khai quyết toán vốn đầu tư các công

trình XHH giao thông theo đúng quy định tại Thông tư số 10/2005/TT-BTC và Thông tư số 19/2005/TT-BTC của Bộ Tài chính. Kết hợp với việc biểu dương các hộ thực hiện tốt, kịp thời nghĩa vụ đóng góp. Đồng thời, phê bình, nhắc nhở công khai các hộ có khả năng nhưng không chấp hành nghĩa vụ đóng góp trên hệ thống Đài Truyền thanh xã và niêm yết danh sách tại các Nhà văn hóa khu, ấp, nơi công cộng tại các tuyến đường được đầu tư.

- Thường xuyên rà soát tình hình và kết quả thu của các Tổ vận động nhân dân đóng góp để kịp thời biểu dương các tổ vận động thu đạt tiến độ, hiệu quả, tích cực; đánh giá lại khả năng tuyên truyền, vận động, thuyết phục và tính tích cực của các Ban, Tổ vận động thu nhân dân đóng góp tại xã để kiện toàn, thay đổi nhằm tiếp tục tổ chức các đoàn đi thu nợ đối với các công trình đã quyết toán vốn đầu tư, thi công hoàn thành, nhưng số còn nợ phải thu lớn.

Giao Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì phối hợp với các ngành của huyện và UBND các xã tham mưu UBND huyện thực hiện, trong đó có đề xuất hỗ trợ vốn thực hiện các mô hình vườn mẫu, khu dân cư kiểu mẫu..

9. Xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh

Xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh gắn thực hiện cải cách thủ tục hành chính, tạo môi trường đầu tư tốt trên địa bàn, trong đó tập trung thực hiện các giải pháp sau:

- Thực hiện tốt công tác cán bộ, nhất là công tác đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và bố trí cán bộ; quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại (có phẩm chất đạo đức tốt, năng lực chuyên môn cao; có thái độ đúng đắn, đề cao trách nhiệm, sáng tạo, tận tụy phục vụ nhân dân). Nâng cao hiệu lực, hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính. Nâng cao hiệu quả thực thi nhiệm vụ của cán bộ lãnh đạo chủ chốt ở cơ sở. Lấy chất lượng, hiệu quả công tác dân vận, sự hài lòng của người dân làm thước đo, đánh giá cán bộ. Thực hiện đúng quy định cơ chế chính sách đối với cán bộ công chức. Tăng cường sự lãnh đạo toàn diện của Đảng, điều hành của chính quyền; nâng cao chất lượng hoạt động của của Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể.

- Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tập trung đầu tư nâng chất hạ tầng công nghệ thông tin, đảm bảo các lĩnh vực được ứng dụng phần mềm trong quản lý và điều hành; thực hiện tốt việc công khai minh bạch các thủ tục hành chính. Nâng cao của cán bộ một cửa, đảm bảo giải quyết nhanh, hợp lý và có thái độ thân thiện hơn đối với người dân và doanh nghiệp; xây dựng nền hành chính công văn minh, lịch sự, tận tụy phục vụ người dân.

Giao Phòng Nội vụ chủ trì phối hợp với các ngành của huyện và UBND các xã tham mưu UBND huyện thực hiện.

10. Xây dựng quốc phòng, an ninh

- Xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân; xây dựng lực lực dân quân vững mạnh, rộng khắp. Chú trọng về chất lượng và độ tin cậy về chính trị. Hàng năm tổ chức huấn luyện, diễn tập theo chỉ tiêu tỉnh giao. Giao quân hàng năm đạt chỉ tiêu 02 cấp (huyện, xã); chất lượng giao quân

năm sau cao hơn năm trước.

- Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 21-CT/TW ngày 26/3/2008 của Bộ Chính trị về "Tiếp tục tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy trong tình hình mới"; Chỉ thị số 48-CT/TW ngày 22/10/2010 của Bộ Chính trị về "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm trong tình hình mới"; Nghị quyết 09-NQ/CP về Chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm; chỉ đạo các ngành, các cấp xây dựng, củng cố nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ chức chính trị, xã hội ở cơ sở, đẩy mạnh phong trào quần chúng tham gia phòng, chống tội phạm và giữ gìn TTATXH, triển khai các biện pháp phòng ngừa xã hội, giảm thiểu các nguyên nhân, điều kiện làm phát sinh tội phạm.

- Giữ vững ổn định tình hình an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội; giáo dục nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân, của các cơ quan, đơn vị trong xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với củng cố nền an ninh nhân dân và thế trận an ninh nhân dân vững chắc; đấu tranh ngăn chặn âm mưu "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch phục vụ sự nghiệp nâng chất huyện đạt chuẩn nông thôn mới. Xây dựng lực lượng Công an từ huyện đến cơ sở trong sạch, vững mạnh, có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, giỏi về nghiệp vụ, nắm vững kiến thức pháp luật theo hướng chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao theo phương châm 4 tại chỗ "lực lượng tại chỗ, hậu cần tại chỗ, phương tiện tại chỗ, chỉ huy tại chỗ".

- Giữ gìn an ninh trật tự ở nông thôn; chú trọng xây dựng và nhân rộng các mô hình phòng chống tội phạm tham gia giữ gìn ANTT tại cơ sở. Quan tâm chế độ chính sách đãi ngộ lực lượng công an xã, Ban bảo vệ Dân phố, Đội Dân phòng, Tổ an ninh và các lực lượng khác tham gia giữ gìn an ninh trật tự tại cơ sở; phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể và người có uy tín trong cộng đồng dân cư.

- Tăng cường công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm; không để hình thành băng ổ nhóm tội phạm nguy hiểm, hoạt động có tổ chức..; Xây dựng các kế hoạch mở cao điểm tấn công trấn áp tội phạm, trong đó: Tập trung đấu tranh không để phát sinh tội phạm có tổ chức, tội phạm hoạt động theo kiểu xã hội đen, không để tội phạm lộng hành gây hoang mang dư luận quần chúng; tiếp tục duy trì mô hình tuần tra phối hợp phòng chống tội phạm trên địa bàn các tuyến giao thông theo chỉ đạo của Công an tỉnh. Trang bị đầy đủ phương tiện, vũ khí, công cụ hỗ trợ, chủ động tấn công trấn áp tội phạm, không để tội phạm tấn công gây nguy hiểm đến tính mạng cán bộ chiến sỹ công an khi thi hành nhiệm vụ.

- Thường xuyên tổ chức tuần tra để kịp thời phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh có hiệu quả với các phương thức, thủ đoạn hoạt động của các loại tội phạm nhằm vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn; ngăn chặn các hoạt động phá hoại chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước ta về chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn hoặc phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân, gây ảnh hưởng đến chủ trương xây dựng nông thôn mới của Đảng và Nhà nước.

- Tổ chức vận động lắp đặt camera an ninh tại các khu vực trọng điểm ở các xã, kiểm soát tốt tình hình an ninh trật tự tại khu vực nông thôn.

Giao Công an huyện và Ban Chỉ huy Quân sự huyện chủ trì phối hợp với các ngành của huyện và UBND các xã tham mưu UBND huyện thực hiện.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giao Văn phòng Điều phối nông thôn mới - Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn tham mưu UBND huyện tham mưu tổ chức sơ kết, tổng kết tình hình thực hiện Kế hoạch và đề xuất được bộ tiêu chí huyện nông thôn mới kiểu mẫu theo hướng "Phát triển sản xuất hàng hóa nông nghiệp bền vững" đến năm 2020 để Trung ương xem xét ban hành. Thực hiện các nhiệm vụ đã giao trong kế hoạch.

2. Các cơ quan, đơn vị căn cứ nhiệm vụ được giao trong từng tiêu chí, chỉ tiêu nông thôn mới triển khai xây dựng kế hoạch hàng năm và giai đoạn để tổ chức thực hiện và tham mưu UBND huyện thực hiện đảm bảo đạt các mục tiêu theo lộ trình đề ra.

3. UBND các xã xây dựng kế hoạch theo lộ trình đã đề ra, xác định các nhiệm vụ cụ thể từng năm để thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu. Phối hợp chặt chẽ với các phòng ban chuyên môn của huyện để được hỗ trợ, hướng dẫn thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp hoàn thành nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu. Hàng năm có tổ chức sơ, tổng kết, đánh giá những kết quả đạt được, tồn tại, hạn chế và rút kinh nghiệm thực hiện cho các năm tiếp theo.

V. KIẾN NGHỊ

Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ngành của tỉnh có hướng dẫn cụ thể các tiêu chí nông thôn mới kiểu mẫu theo hướng "Phát triển sản xuất hàng hóa nông nghiệp bền vững" đã được phê duyệt tại Quyết định số 69/QĐ-UBND ngày 08/01/2019 để huyện căn cứ đánh giá thực trạng và triển khai thực hiện.

Trên đây là kế hoạch thực hiện Đề án xây dựng huyện Xuân Lộc đạt nông thôn mới kiểu mẫu theo hướng "Phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa bền vững" giai đoạn 2018 - 2025 trên địa bàn huyện Xuân Lộc./.

Nơi nhận:
- UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Văn phòng Điều phối NTM tỉnh;
- Đ/c Bí thư Huyện ủy (báo cáo);
- Thường trực Huyện ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND huyện (báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT. UBND huyện;
- UBMTTQVN và các Đoàn thể huyện;
- Văn phòng Huyện ủy;
- Chánh, Phó Văn phòng;
- Các cơ quan, đơn vị;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT-TH (các khối).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Linh

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN LỘC

Biểu số: 01

KINH PHÍ LẬP QUY HOẠCH VÙNG HUYỆN VÀ VÙNG XÃ
(Ngân sách huyện)

STT	Tên công trình	Vốn đầu tư (triệu đồng)	Giai đoạn 2018-2020 (triệu đồng)	Giai đoạn 2021-2025 (triệu đồng)
A	**QUY HOẠCH VÙNG HUYỆN**	**2.154**	**2.154**	
1	Quy hoạch xây dựng vùng huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai	2.154	2.154	
B	**Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung xây dựng các xã**	**13.210**	**6.605**	**6.605**
1	Xã Xuân Định	923	461	461
2	Xã Bảo Hòa	920	460	460
3	Xã Xuân Phú	1.000	500	500
4	Xã Xuân Thọ	1.047	524	524
5	Xã Suối Cao	815	407	407
6	Xã Lang Minh	811	405	405
7	Xã Xuân Trường	1.053	526	526
8	Xã Xuân Bắc	1.032	516	516
9	Xã Xuân Thành	918	459	459
10	Xuân Hiệp	876	438	438
11	Xã Suối Cát	820	410	410
12	Xã Xuân Hòa	876	438	438
13	Xuân Hưng	983	491	491
14	Xã Xuân Tâm	1.137	568	568
	Tổng cộng	**15.364**	**8.759**	**6.605**

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN LỘC

Biểu số: 03

DANH MỤC ĐẦU TƯ CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG

Số TT	Tên công trình	Chiều dài (km)	Cấp đường	Vốn đầu tư (triệu đồng)	Nguồn vốn giai đoạn 2018-2020 (triệu đồng)					Nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 (triệu đồng)				
					Tổng	Ngân sách Tỉnh	Ngân sách huyện	Dân đóng góp	Vốn khác	Tổng	Ngân sách Tỉnh	Ngân sách huyện	Dân đóng góp	Vốn khác
	TỔNG CỘNG			**1.995.177**	**718.186**	**411.855**	**254.674**	**51.657**	-	**1.276.991**	**580.015**	**586.350**	**110.625**	-
A	**Đường giao thông tỉnh quản lý** (trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020)			**100.000**	**100.000**	**100.000**	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Nâng cấp tỉnh lộ 763 từ km 0 đến km 29+500 (Xuân Lộc - Định Quán)			100.000	100.000	100.000								
B	**Đường giao thông huyện quản lý**	**84,93**		**1.239.960**	**405.471**	**204.200**	**201.271**	-	-	**834.489**	**380.889**	**453.600**	-	-
I	**Các dự án có Quyết định đầu tư, chấp thuận chủ trương đầu tư (trong kế hoạch vốn trung hạn 2016-2020)**	**22,03**		**220.471**	**220.471**	**84.200**	**136.271**	-	-	-	-	-	-	-
1	Đường Xuân Hiệp - Lang Minh (đoạn từ QL1A đến cầu Sông Ray)	4,65	IV	23.457	23.457		23.457							
2	Nâng cấp, mở rộng đường vào núi Chứa Chan	3,70	III	26.941	26.941	25.000	1.941							
3	Nút giao thông giữa đường Hùng Vương với QL 1 (ngã 3 Bưu điện), huyện Xuân Lộc	0,69	ĐĐT	10.000	10.000	10.000								
4	Cầu ấp Bằng lăng xã Xuân Tâm	33 m	IV	2.500	2.500		2.500							
5	Đường Tân Hữu - Trảng Táo	6,46	IV	41.714	41.714		41.714							
6	Đường Xuân Bắc - Long Khánh	5,36	IV	37.814	37.814		37.814							
7	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	1,17	ĐĐT	40.000	40.000	40.000								
8	Tuyến đường vào cơ sở tiếp nhận, quản lý, cai nghiện phục hồi cho người nghiện ma túy tỉnh Đồng Nai (cơ sở mới) (NST phần xây lắp)	1,80	IV	8.700	8.700	8.200	500							
9	Cầu đường tổ 12 ấp Hòa Bình			700	700		700							
10	Cầu qua suối cánh đồng đội 4 ấp Bình Xuân 1			400	400		400							
11	Đường Bảo Hòa - Long Khánh (chi phí bồi thường)			10.000	10.000		10.000							
12	Nâng cấp, mở rộng đường Hùng Vương - Trần Phú (vốn đối ứng 50%+50%)			8.721	8.721	1.000	7.721							
13	Đường Xuân Trường - Trản táo			2.900	2.900		2.900							
14	Đường Bình Hòa, Xuân Phú- Thọ Tân, Xuân Thọ			4.000	4.000		4.000							
15	Cần Bằng Lăng xã Xuân Tâm			2.624	2.624		2.624							
II	**Các Dự án dự kiến đầu tư theo hình thức đối tác công tư, loại hợp đồng BT**	**3,34**	**ĐĐT**	**332.000**	-	-	-	-	-	**332.000**	**166.000**	**166.000**	-	-

Số TT	Tên công trình	Chiều dài (km)	Cấp đường	Vốn đầu tư (triệu đồng)	Nguồn vốn giai đoạn 2018-2020 (triệu đồng)					Nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 (triệu đồng)				
					Tổng	Ngân sách Tỉnh	Ngân sách huyện	Dân đóng góp	Vốn khác	Tổng	Ngân sách Tỉnh	Ngân sách huyện	Dân đóng góp	Vốn khác
1	Nâng cấp, mở rộng đường Hùng Vương - Trần Phú (vốn đối ứng 50%+50%)	4,13	ĐĐT	230.000	-					230.000	115.000	115.000		
2	Đường Bảo Hòa - Long Khánh (chi phí bồi thường)	2,34	ĐĐT	102.000	-					102.000	51.000	51.000		
III	**Các dự án nâng cấp, mở rộng**	**25,46**		**190.489**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**190.489**	**83.889**	**106.600**	**-**	**-**
1	Đường Xuân Tâm - Trảng Táo	14,80	IV	83.889						83.889	83.889			
2	Đường quanh núi Chứa Chan	1,20	IV	12.000						12.000		12.000		
3	Đường Tân Hữu - Trảng Táo	1,76	IV	17.600						17.600		17.600		
4	Đường Xuân Hưng - Xuân Tâm	1,00	IV	10.000						10.000		10.000		
5	Đường Xuân Phú - Xuân Tây	6,70	IV	67.000						67.000		67.000		
IV	**Các dự án quan trọng đề xuất mở mới**	**21,10**	-	**382.000**	**120.000**	**120.000**	-	-	-	**262.000**	**131.000**	**131.000**	-	-
1	Đường Xuân Thành - Trảng Táo	8,00	IV	120.000	120.000	120.000				-				
2	Đường quanh núi Chứa Chan (tỉnh 50%+huyện 50%)	13,10	IV	262.000	-					262.000	131.000	131.000		
V	**Các dự án bảo trì**	**13,00**		**115.000**	**65.000**	-	**65.000**	-	-	**50.000**	-	**50.000**	-	-
1	Sửa chữa đường Xuân Tâm - Trảng Táo			7.686	7.686		7.686							
2	Sửa chữa đường Xuân Phú - Xuân Tây			13.657	13.657		13.657							
3	Sửa chữa đường Xuân Trường - Suối Cao			13.959	13.959		13.959							
4	Sửa chữa đường Bảo Hòa - Long Khánh	2,30	ĐĐT	398	398		398							
5	Sửa chữa đường Nguyễn Văn Linh	0,64	ĐĐT	1.600	1.600		1.600							
6	Sửa chữa đường Lê Duẩn	1,65	ĐĐT	2.310	2.310		2.310							
7	Sửa chữa đường Nguyễn Văn Cừ	1,65	ĐĐT	2.310	2.310		2.310							
8	Sửa chữa đường Sóc Ba Buông	1,50	IV	1.350	1.350		1.350							
9	Sửa chữa đường Ngô Quyền	2,75	ĐĐT	2.475	2.475		2.475							
10	Sửa chữa đường Song hành QL 1	2,51	ĐĐT	1.255	1.255		1.255							
11	Duy tu, bảo dưỡng các tuyến đường huyện quản lý		IV	68.000	18.000		18.000			50.000		50.000		
C	**Đường giao thông các xã, thị trấn đề xuất**			**655.217**	**212.715**	**107.655**	**53.403**	**51.657**	**-**	**442.502**	**199.126**	**132.750**	**110.625**	**-**
I	**Các dự án XHH giao thông**			**212.715**	**212.715**	**107.655**	**53.403**	**51.657**	-	-	-	-	-	-
1	Các dự án XHH GTNT 2018	40,55	V	126.631	126.631	68.756	27.425	30.450						
2	Các dự án XHH GTNT 2019	32,52	V	40.414	40.414	18.285	12.189	9.940						
3	Các dự án XHH GTNT 2020	33,76	V	45.670	45.670	20.614	13.789	11.267						
II	**Các dự án nâng cấp, mở rộng, bảo trì**	**295,00**		**442.502**	-	-	-	-	-	**442.502**	**199.126**	**132.750**	**110.625**	-

Số TT	Tên công trình	Chiều dài (km)	Cấp đường	Vốn đầu tư (triệu đồng)	Nguồn vốn giai đoạn 2018-2020 (triệu đồng)					Nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 (triệu đồng)				
					Tổng	Ngân sách Tỉnh	Ngân sách huyện	Dân đóng góp	Vốn khác	Tổng	Ngân sách Tỉnh	Ngân sách huyện	Dân đóng góp	Vốn khác
1	Nâng cấp, mở rộng đường xã, đường ấp	218,10	V	327.149						327.149	147.217	98.145	81.787	
2	Nâng cấp, mở rộng đường trục chính nội đồng	76,90	V	115.353						115.353	51.909	34.606	28.838	

Ghi chú:

- Vốn giai đoạn 2018-2020 là 718.186 triệu đồng, trong đó: đã có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016 - 2020 là 533.186 triệu đồng, gồm: vốn đầu tư công của tỉnh theo Nghị quyết số 83/2017/NQ-HĐND tỉnh 184.200 triệu đồng; vốn NS tỉnh hỗ trợ XHH giao thông đã trình 107.655 triệu đồng; vốn đầu tư công của huyện theo NQ số 02/2018/NQ-HĐND huyện 189.674 triệu đồng; vốn huy động dân góp 51.657 triệu đồng; vốn còn thiếu **185.000 triệu đồng**.

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN LỘC

Biểu số: 04

DANH MỤC ĐẦU TƯ CÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Vốn đầu tư *(triệu đồng)*	Giai đoạn 2018-2020				Giai đoạn 2021-2025			
				Tổng cộng	NS TW	NS Tỉnh	NS Huyện	Tổng cộng	NS TW	NS Tỉnh	NS Huyện
	TỔNG CỘNG		**1.238.204**	**76.712**	**0**	**44.000**	**32.712**	**1.161.492**	**1.036.492**	**98.000**	**27.000**
I	**Công trình đã có QĐ đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư**		**450.504**	**71.012**	**0**	**44.000**	**27.012**	**379.492**	**352.492**	**0**	**27.000**
1	Dự án Hồ Gia Ui 2	Xuân Hưng	353.492	1.000		1.000		352.492	352.492		
2	Dự án hồ chứa nước Gia Măng	X.Hiệp-L.Minh	43.000	43.000		43.000		0			
3	Kênh cấp 2 nội đồng hồ Gia Măng	Xuân Hiệp	42.000	15.000			15.000	27.000			27.000
4	Bê tông hóa kênh mương ấp 1, ấp 3 xã Xuân Tâm	Xuân Tâm	5.652	5.652			5.652	0			
5	Hồ Suối Cát	Suối Cát	6.360	6.360			6.360	0			
II	**Các công trình đề xuất mới**		**787.700**	**5.700**	**0**	**0**	**5.700**	**782.000**	**684.000**	**98.000**	**0**
1	Kênh N2 xã Lang Minh	Lang Minh	2.250	2.250			2.250				
2	Hệ thống trạm bơm điện La Ngà	X.Bắc-X.Thọ-S.Cao	684.000	0				684.000	684.000		
3	Xây dựng hồ Gia Oi	Xuân Hưng - Xuân Hòa	98.000	0				98.000		98.000	
4	Nâng cấp thay mới thiết bị trạm bơm Mu Rùa	Xã Xuân Tâm	850	850			850				
5	Cửa kênh điều tiết tại hạ lưu đập Bưng Cần và 01 tuyến dài 860m	Xã Xuân Phú	1.200	1.200			1.200				
6	Đoạn kênh mương nối tiếp kênh hồ Ông Bộ (chiều dài khoảng 200m)	Xã Bảo Hòa	450	450			450				
7	Sửa chữa đập bán kiên cố Xuân Hưng	Xuân Hưng	500	500			500				
8	Sửa chữa đập bán kiên cố Xuân Hòa	Xuân Hòa	450	450			450				

Ghi chú:

- Giai đoạn 2018 - 2020: 76.712 triệu đồng, trong đó: vốn thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 69.712 triệu đồng (kế hoạch của tỉnh 44.000 triệu đồng; của huyện 27.012 triệu đồng); vốn ngoài đầu tư công (còn thiếu) 7.000 triệu đồng.

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN LỘC

Biểu số 05

DANH MỤC ĐẦU TƯ CÁC CÔNG TRÌNH ĐIỆN PHỤC VỤ SẢN XUẤT
(Nguồn vốn huyện)

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Tên công trình	Khối lượng	Tổng vốn đầu tư	Giai đoạn 2018-2020	Giai đoạn 2021-2025
	TỔNG CỘNG		**69.535**	**34.535**	**35.000**
A	**GIAI ĐOẠI 2018-2020**				
	ĐƯỜNG DÂY 22kV VÀ TRẠM BIẾN ÁP				
I	**Năm 2018**				
1	Đường dây hạ thế cánh đồng Thọ Lộc (mật cật 1, 2) xã Xuân Thọ	Xây dựng 0,52 km đường dây hạ thế 1 pha	164	164	
2	Đường dây hạ thế Tổ 1, ấp Thọ Tân, xã Xuân Thọ	Xây dựng 0,41 km đường dây hạ thế 1 pha	200	200	
3	Đường dây trung, hạ thế và TBA cánh đồng Bảo Liệt, ấp Bình Minh, xã Xuân Hiệp	Xây dựng 0,429 km đường dây trung thế 3 pha, 01 TBA 3x50kVA, 220 m đường dây hạ thế 3 pha	687	687	
4	Đường dây trung thế và TBA Thác Trời, ấp 7, xã Xuân Bắc	Nâng cấp 1,005 km đường dây trung thế 1 pha lên 3 pha, xây dựng 800 m đường dây trung thế 3 pha, 01 TBA 3x50kVA	1.081	1.081	
5	Đường dây trung thế và TBA ấp Tây Minh, xã Lang Minh	Xây dựng 0,3 km đường dây trung thế 3 pha, 01 TBA 3x50kVA	535	535	
II	**Năm 2019**				
1	Nâng cấp 2,5 km đường dây trung thế 1 pha lên 3 pha, xây dựng 1.000 m đường dây trung thế 3 pha, 01 TBA 3x50kVA	Nâng cấp 2,5 km đường dây trung thế 1 pha lên 3 pha, xây dựng 1.000 m đường dây trung thế 3 pha, 01 TBA 3x50kVA	1.681	1.681	

Số TT	Tên công trình	Khối lượng	Tổng vốn đầu tư	Giai đoạn 2018-2020	Giai đoạn 2021-2025
2	Đường dây trung, hạ thế và TBA cánh đồng Bảo Liệt, ấp Bình Minh, xã Xuân Hiệp	Nâng cấp 1,1 km đường dây trung thế 1 pha lên 3 pha, xây dựng 1.000 m đường dây trung thế 3 pha, 01 TBA 3x50kVA	1.159	1.159	
3	Đường dây trung thế và TBA Thác Trời, ấp 7, xã Xuân Bắc	Xây dựng 800 m đường dây trung thế 3 pha, 01 TBA 3x50kVA, 800 m đường dây hạ thế 3 pha	#REF!	973	
4	Đường dây trung thế và TBA ấp Tây Minh, xã Lang Minh	Nâng cấp 0,5 km đường dây trung thế 1 pha lên 3 pha, xây dựng 500 m đường dây trung thế 3 pha, 01 TBA 3x50kVA	#REF!	999	
5	Đường dây trung thế và TBA Tổ 17, 18 ấp 2, xã Xuân Hòa	Xây dựng 1,2 km đường dây trung thế 3 pha, 01 TBA 3x50kVA	#REF!	930	
6	Đường dây trung thế và TBA CLB mía, xã Xuân Hòa	Xây dựng 1,0 km đường dây trung thế 3 pha, 01 TBA 3x50kVA	#REF!	825	
7	Đường dây trung, hạ thế và TBA Xuân Hiệp 17, ấp Việt Kiều, xã Xuân Hiệp	Xây dựng 1,2 km đường dây hạ thế 1 pha, 01 TBA 100kVA	#REF!	524	
8	Đường dây trung, hạ thế và TBA Xuân Hiệp 15, ấp Tam Hiệp, xã Xuân Hiệp	Xây dựng 0,5 km đường dây hạ thế 1 pha, 01 TBA 75kVA	#REF!	296	
9	Đường dây trung thế và TBA Hiệp Tiến, ấp Tân Tiến, xã Xuân Hiệp	Xây dựng 1,0 km đường dây hạ thế 1 pha, 01 TBA 100kVA	#REF!	816	
10	Đường dây trung thế và TBA Suối Lá, ấp Gia Ui, xã Xuân Tâm	Xây dựng 0,5 km đường dây trung thế 3 pha, 01 TBA 3x50kVA	#REF!	332	
11	Đường dây trung thế và TBA xã Xuân Định	Xây dựng 0,7 Km đường dây trung thế 3 pha, 01 TBA 3x50kVA	833	833	
12	Đường dây trung thế và TBA xã Bảo Hòa	Xây dựng 0,7 Km đường dây trung thế 3 pha, 01 TBA 3x50kVA	833	833	

Số TT	Tên công trình	Khối lượng	Tổng vốn đầu tư	Giai đoạn 2018-2020	Giai đoạn 2021-2025
13	Đường dây trung thế và TBA xã Xuân Phú	Xây dựng 0,7 Km đường dây trung thế 3 pha, 01 TBA 3x50kVA	833	833	
14	Đường dây trung thế và TBA xã Xuân Hiệp	Xây dựng 0,7 Km đường dây trung thế 3 pha, 01 TBA 3x50kVA	833	833	
15	Đường dây trung thế và TBA xã Suối Cát	Xây dựng 0,7 Km đường dây trung thế 3 pha, 01 TBA 3x50kVA	833	833	
16	Đường dây trung thế và TBA xã Lang Minh	Xây dựng 0,7 Km đường dây trung thế 3 pha, 01 TBA 3x50kVA	833	833	
17	Đường dây trung thế và TBA xã Xuân Tâm	Xây dựng 0,7 Km đường dây trung thế 3 pha, 01 TBA 3x50kVA	833	833	
18	Đường dây trung thế và TBA xã Xuân Hưng	Xây dựng 0,7 Km đường dây trung thế 3 pha, 01 TBA 3x50kVA	833	833	
19	Đường dây trung thế và TBA xã Xuân Hòa	Xây dựng 0,7 Km đường dây trung thế 3 pha, 01 TBA 3x50kVA	833	833	
20	Đường dây trung thế và TBA xã Xuân Thành	Xây dựng 0,7 Km đường dây trung thế 3 pha, 01 TBA 3x50kVA	833	833	
21	Đường dây trung thế và TBA xã Xuân Trường	Xây dựng 0,7 Km đường dây trung thế 3 pha, 01 TBA 3x50kVA	833	833	
22	Đường dây trung thế và TBA xã Suối Cao	Xây dựng 0,7 Km đường dây trung thế 3 pha, 01 TBA 3x50kVA	833	833	
23	Đường dây trung thế và TBA xã Xuân Thọ	Xây dựng 0,7 Km đường dây trung thế 3 pha, 01 TBA 3x50kVA	833	833	
24	Đường dây trung thế và TBA xã Xuân Bắc	Xây dựng 0,7 Km đường dây trung thế 3 pha, 01 TBA 3x50kVA	833	833	
III	**Năm 2020**				

Số TT	Tên công trình	Khối lượng	Tổng vốn đầu tư	Giai đoạn 2018-2020	Giai đoạn 2021-2025
1	Đường dây trung thế và TBA xã Xuân Định	Xây dựng 0,7 Km đường dây trung thế 3 pha, 01 TBA 3x50kVA	833	833	
2	Đường dây trung thế và TBA xã Bảo Hòa	Xây dựng 0,7 Km đường dây trung thế 3 pha, 01 TBA 3x50kVA	833	833	
3	Đường dây trung thế và TBA xã Xuân Phú	Xây dựng 0,7 Km đường dây trung thế 3 pha, 01 TBA 3x50kVA	833	833	
4	Đường dây trung thế và TBA xã Xuân Hiệp	Xây dựng 0,7 Km đường dây trung thế 3 pha, 01 TBA 3x50kVA	833	833	
5	Đường dây trung thế và TBA xã Suối Cát	Xây dựng 0,7 Km đường dây trung thế 3 pha, 01 TBA 3x50kVA	833	833	
6	Đường dây trung thế và TBA xã Lang Minh	Xây dựng 0,7 Km đường dây trung thế 3 pha, 01 TBA 3x50kVA	833	833	
7	Đường dây trung thế và TBA xã Xuân Tâm	Xây dựng 0,7 Km đường dây trung thế 3 pha, 01 TBA 3x50kVA	833	833	
8	Đường dây trung thế và TBA xã Xuân Hưng	Xây dựng 0,7 Km đường dây trung thế 3 pha, 01 TBA 3x50kVA	833	833	
9	Đường dây trung thế và TBA xã Xuân Hòa	Xây dựng 0,7 Km đường dây trung thế 3 pha, 01 TBA 3x50kVA	833	833	
10	Đường dây trung thế và TBA xã Xuân Thành	Xây dựng 0,7 Km đường dây trung thế 3 pha, 01 TBA 3x50kVA	833	833	
11	Đường dây trung thế và TBA xã Xuân Trường	Xây dựng 0,7 Km đường dây trung thế 3 pha, 01 TBA 3x50kVA	833	833	
12	Đường dây trung thế và TBA xã Suối Cao	Xây dựng 0,7 Km đường dây trung thế 3 pha, 01 TBA 3x50kVA	833	833	

Số TT	Tên công trình	Khối lượng	Tổng vốn đầu tư	Giai đoạn 2018-2020	Giai đoạn 2021-2025
13	Đường dây trung thế và TBA xã Xuân Thọ	Xây dựng 0,7 Km đường dây trung thế 3 pha, 01 TBA 3x50kVA	833	833	
14	Đường dây trung thế và TBA xã Xuân Bắc	Xây dựng 0,7 Km đường dây trung thế 3 pha, 01 TBA 3x50kVA	833	833	
A	**GIAI ĐOẠI 2021-2025**				
I	**Năm 2021**				
1	Đường dây trung thế và TBA xã Xuân Định	Xây dựng 0,7 Km đường dây trung thế 3 pha, 01 TBA 3x50kVA	833		833
2	Đường dây trung thế và TBA xã Bảo Hòa	Xây dựng 0,7 Km đường dây trung thế 3 pha, 01 TBA 3x50kVA	833		833
3	Đường dây trung thế và TBA xã Xuân Phú	Xây dựng 0,7 Km đường dây trung thế 3 pha, 01 TBA 3x50kVA	833		833
4	Đường dây trung thế và TBA xã Xuân Hiệp	Xây dựng 0,7 Km đường dây trung thế 3 pha, 01 TBA 3x50kVA	833		833
5	Đường dây trung thế và TBA xã Suối Cát	Xây dựng 0,7 Km đường dây trung thế 3 pha, 01 TBA 3x50kVA	833		833
6	Đường dây trung thế và TBA xã Lang Minh	Xây dựng 0,7 Km đường dây trung thế 3 pha, 01 TBA 3x50kVA	833		833
7	Đường dây trung thế và TBA xã Xuân Tâm	Xây dựng 0,7 Km đường dây trung thế 3 pha, 01 TBA 3x50kVA	833		833
8	Đường dây trung thế và TBA xã Xuân Hưng	Xây dựng 0,7 Km đường dây trung thế 3 pha, 01 TBA 3x50kVA	833		833
9	Đường dây trung thế và TBA xã Xuân Hòa	Xây dựng 0,7 Km đường dây trung thế 3 pha, 01 TBA 3x50kVA	833		833

Số TT	Tên công trình	Khối lượng	Tổng vốn đầu tư	Giai đoạn 2018-2020	Giai đoạn 2021-2025
10	Đường dây trung thế và TBA xã Xuân Thành	Xây dựng 0,7 Km đường dây trung thế 3 pha, 01 TBA 3x50kVA	833		833
11	Đường dây trung thế và TBA xã Xuân Trường	Xây dựng 0,7 Km đường dây trung thế 3 pha, 01 TBA 3x50kVA	833		833
12	Đường dây trung thế và TBA xã Suối Cao	Xây dựng 0,7 Km đường dây trung thế 3 pha, 01 TBA 3x50kVA	833		833
13	Đường dây trung thế và TBA xã Xuân Thọ	Xây dựng 0,7 Km đường dây trung thế 3 pha, 01 TBA 3x50kVA	833		833
14	Đường dây trung thế và TBA xã Xuân Bắc	Xây dựng 0,7 Km đường dây trung thế 3 pha, 01 TBA 3x50kVA	833		833
II	**Năm 2022 - 2023**				
1	Đường dây trung thế và TBA xã Xuân Định	Xây dựng 0,7 Km đường dây trung thế 3 pha, 01 TBA 3x50kVA	833		833
2	Đường dây trung thế và TBA xã Bảo Hòa	Xây dựng 0,7 Km đường dây trung thế 3 pha, 01 TBA 3x50kVA	833		833
3	Đường dây trung thế và TBA xã Xuân Phú	Xây dựng 0,7 Km đường dây trung thế 3 pha, 01 TBA 3x50kVA	833		833
4	Đường dây trung thế và TBA xã Xuân Hiệp	Xây dựng 0,7 Km đường dây trung thế 3 pha, 01 TBA 3x50kVA	833		833
5	Đường dây trung thế và TBA xã Suối Cát	Xây dựng 0,7 Km đường dây trung thế 3 pha, 01 TBA 3x50kVA	833		833
6	Đường dây trung thế và TBA xã Lang Minh	Xây dựng 0,7 Km đường dây trung thế 3 pha, 01 TBA 3x50kVA	833		833
7	Đường dây trung thế và TBA xã Xuân Tâm	Xây dựng 0,7 Km đường dây trung thế 3 pha, 01 TBA 3x50kVA	833		833

Số TT	Tên công trình	Khối lượng	Tổng vốn đầu tư	Giai đoạn 2018-2020	Giai đoạn 2021-2025
8	Đường dây trung thế và TBA xã Xuân Hưng	Xây dựng 0,7 Km đường dây trung thế 3 pha, 01 TBA 3x50kVA	833		833
9	Đường dây trung thế và TBA xã Xuân Hòa	Xây dựng 0,7 Km đường dây trung thế 3 pha, 01 TBA 3x50kVA	833		833
10	Đường dây trung thế và TBA xã Xuân Thành	Xây dựng 0,7 Km đường dây trung thế 3 pha, 01 TBA 3x50kVA	833		833
11	Đường dây trung thế và TBA xã Xuân Trường	Xây dựng 0,7 Km đường dây trung thế 3 pha, 01 TBA 3x50kVA	833		833
12	Đường dây trung thế và TBA xã Suối Cao	Xây dựng 0,7 Km đường dây trung thế 3 pha, 01 TBA 3x50kVA	833		833
13	Đường dây trung thế và TBA xã Xuân Thọ	Xây dựng 0,7 Km đường dây trung thế 3 pha, 01 TBA 3x50kVA	833		833
14	Đường dây trung thế và TBA xã Xuân Bắc	Xây dựng 0,7 Km đường dây trung thế 3 pha, 01 TBA 3x50kVA	833		833
III	**Năm 2024-2025**				
1	Đường dây trung thế và TBA xã Xuân Định	Xây dựng 0,7 Km đường dây trung thế 3 pha, 01 TBA 3x50kVA	833		833
2	Đường dây trung thế và TBA xã Bảo Hòa	Xây dựng 0,7 Km đường dây trung thế 3 pha, 01 TBA 3x50kVA	833		833
3	Đường dây trung thế và TBA xã Xuân Phú	Xây dựng 0,7 Km đường dây trung thế 3 pha, 01 TBA 3x50kVA	833		833
4	Đường dây trung thế và TBA xã Xuân Hiệp	Xây dựng 0,7 Km đường dây trung thế 3 pha, 01 TBA 3x50kVA	833		833
5	Đường dây trung thế và TBA xã Suối Cát	Xây dựng 0,7 Km đường dây trung thế 3 pha, 01 TBA 3x50kVA	833		833

Số TT	Tên công trình	Khối lượng	Tổng vốn đầu tư	Giai đoạn 2018-2020	Giai đoạn 2021-2025
6	Đường dây trung thế và TBA xã Lang Minh	Xây dựng 0,7 Km đường dây trung thế 3 pha, 01 TBA 3x50kVA	833		833
7	Đường dây trung thế và TBA xã Xuân Tâm	Xây dựng 0,7 Km đường dây trung thế 3 pha, 01 TBA 3x50kVA	833		833
8	Đường dây trung thế và TBA xã Xuân Hưng	Xây dựng 0,7 Km đường dây trung thế 3 pha, 01 TBA 3x50kVA	833		833
9	Đường dây trung thế và TBA xã Xuân Hòa	Xây dựng 0,7 Km đường dây trung thế 3 pha, 01 TBA 3x50kVA	833		833
10	Đường dây trung thế và TBA xã Xuân Thành	Xây dựng 0,7 Km đường dây trung thế 3 pha, 01 TBA 3x50kVA	833		833
11	Đường dây trung thế và TBA xã Xuân Trường	Xây dựng 0,7 Km đường dây trung thế 3 pha, 01 TBA 3x50kVA	833		833
12	Đường dây trung thế và TBA xã Suối Cao	Xây dựng 0,7 Km đường dây trung thế 3 pha, 01 TBA 3x50kVA	833		833
13	Đường dây trung thế và TBA xã Xuân Thọ	Xây dựng 0,7 Km đường dây trung thế 3 pha, 01 TBA 3x50kVA	833		833
14	Đường dây trung thế và TBA xã Xuân Bắc	Xây dựng 0,7 Km đường dây trung thế 3 pha, 01 TBA 3x50kVA	833		833

Ghi chú:

- Tổng vốn giai đoạn 2018-2020: 34.535 triệu đồng, trong đó: vốn thuộc kế hoạch trung hạn của huyện là 11.069 triệu đồng; vốn ngoài kế hoạch trung hạn (còn thiếu) 23.466 triệu đồng.

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN LỘC

Biểu số 06

DỰ TOÁN KINH PHÍ ĐẦU TƯ CSVC CÁC CÔNG TRÌNH GIÁO DỤC GIAI ĐOẠN 2018-2020 VÀ 2021-2025 (nguồn vốn huyện)

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Danh mục công trình	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Tổng vốn đầu tư	Giai đoạn 2018-2020	Giai đoạn 2021-2025
	TỔNG CỘNG		**440.736**	**145.736**	**295.000**
I	**Công trình thuộc KH đầu tư trung hạn của huyện 2018-2020**		**88.473**	**88.473**	
1	Trường MN Xuân Thọ (phân hiệu Thọ Trung)		700	700	
2	Trường TH Trịnh Hoài Đức		500	500	
3	Trường THCS Lý Thường Kiệt		900	900	
4	Trường TH Lê Lai		5.400	5.400	
5	Trường MN Xuân Hòa		8.549	8.549	
6	Trường THCS Nguyễn Công Trứ		5.200	5.200	
7	Trường THCS Ngô Sĩ Liên		6.200	6.200	
8	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu		9.000	9.000	
9	Trường TH Lê Văn Tám		2.000	2.000	
10	Trường TH Lam Sơn		1.000	1.000	
11	Trường TH Nguyễn Viết Xuân		10.423	10.423	
12	Trường TH Trần Hưng Đạo		7.900	7.900	
13	Trường MN Trảng Táo		4.500	4.500	
14	Trường TH Lê Hồng Phong		5.700	5.700	
15	Trường MN Xuân Thành		7.077	7.077	
16	Trường TH Lạc Long Quân		2.124	2.124	
17	Trường TH Trần Quốc Toản		2.000	2.000	
18	Trường TH Nguyễn Khuyến		8.400	8.400	
19	Trường TH Xuân Định		900	900	
II	**Sửa chữa trường học (vốn sự nghiệp mang tính chất đầu tư)**		**32.931**	**32.931**	
1	Sửa chữa Trường MN Xuân Lộc		3.300	3.300	
2	Sửa chữa Trường MN Bình Hòa		850	850	
3	Sửa chữa Trường mầm non Lang Minh (phân hiệu Tây Minh)		860	860	
3	Sửa chữa Trường MN Xuân		1.000	1.000	
4	Sửa chữa Trường TH Quang Trung		1.400	1.400	
5	Sửa chữa Trường TH 3 tháng 2		1.600	1.600	
6	Sửa chữa Trường TH Hoàng Văn Thụ		1.200	1.200	

Số TT	Danh mục công trình	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Tổng vốn đầu tư	Giai đoạn 2018-2020	Giai đoạn 2021-2025
7	Sửa chữa Trường TH Lê Văn Tám (phân hiệu)		800	800	
8	Sửa chữa Trường TH Lam Sơn (phân hiệu Bầu Sình)		800	800	
9	Sửa chữa Trường TH Kim Đồng		3.000	3.000	
10	Sửa chữa Trường TH Xuân Tâm 1		800	800	
11	Sửa chữa Trường THCS Lê Thánh Tông		4.000	4.000	
12	Sửa chữa Trường THCS Suối Cao		4.000	4.000	
13	Sửa chữa Trường THCS Nguyễn Trãi		1.600	1.600	
14	Thiết bị bàn ghế học sinh, bàn ghế giáo viên		5.961	5.961	
15	Sửa chữa trường Mầm non Xuân Phú		849	849	
16	Sửa chữa trường TH Hùng Vương		911	911	
III	**Vốn đầu tư, sửa chữa tiếp tục bổ sung, triển khai trong giai đoạn tới**		**319.332**	**24.332**	**295.000**
*	***Cấp học mầm non***		**48.160**	**14.060**	**34.100**
1	Mầm non Xuân Lộc	Gia Ray	8.000	3.500	4.500
2	Mầm non Suối Cao	Suối Cao	1.200	-	1.200
3	Mầm non Xuân Hiệp	Xuân Hiệp	3.700	1.200	2.500
4	Mầm non Xuân Định	Xuân Định	4.500	-	4.500
5	Mầm non Bảo Hòa	Bảo Hòa	3.000	1.500	1.500
6	Mầm non Xuân Phú	Xuân Phú	3.700	2.500	1.200
7	Mầm non Xuân Trường	Xuân Trường	4.200	3.000	1.200
8	Mầm non Xuân Tâm	Xuân Tâm	3.000	1.500	1.500
9	Mầm non Bình Hòa	Bảo Hòa	2.500	-	2.500
10	Mầm non Xuân Hưng	Xuân Hưng	4.500	-	4.500
11	Mầm non Lang Minh	Lang Minh	3.360	860	2.500
12	Mầm non Suối Cát	Suối Cát	2.000	-	2.000
13	Mầm non Thọ Vực	Xuân Bắc	2.500	-	2.500
14	Mầm non Xuân Bắc	Xuân Bắc	2.000	-	2.000
*	***Cấp học tiểu học***		**132.900**	**3.000**	**129.900**
1	TH Kim Đồng	Gia Ray	4.500	-	4.500
2	TH Gia Ray	Gia Ray	19.000	-	19.000
3	TH Xuân Hòa	Xuân Hòa	2.500	-	2.500
4	TH Nguyễn Bỉnh Khiêm	Xuân Phú	4.500	-	4.500
5	TH Chu Văn An	Xuân Hiệp	1.200	-	1.200

Số TT	Danh mục công trình	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Tổng vốn đầu tư	Giai đoạn 2018-2020	Giai đoạn 2021-2025
6	TH Xuân Tâm 1	Xuân Tâm	6.500	-	6.500
7	TH Xuân Trường	Xuân Trường	2.000	-	2.000
8	TH Hùng Vương	Xuân Định	1.200	-	1.200
9	TH Bầu Cối (3/2)	Xuân Bắc	9.100	1.600	7.500
10	TH Quang Trung	Xuân Thọ	5.900	1.400	4.500
11	TH Nguyễn Văn Trỗi	Xuân Tâm	9.000	-	9.000
12	TH Lý Tự Trọng	Xuân Thành	9.000	-	9.000
13	TH Đinh Tiên Hoàng	Xuân Bắc	1.500	-	1.500
14	TH Hoàng Văn Thụ	Bảo Hòa	7.500		7.500
15	TH Xuân Hưng	Xuân Hưng	9.000	-	9.000
16	TH Phù Đổng	Bảo Hòa	9.000	-	9.000
17	TH Trần Quốc Toản	Xuân Thọ	4.500	-	4.500
18	TH Xuân Tâm II	Xuân Tâm	1.500	-	1.500
19	TH Mạc Đĩnh Chi	Suối Cát	8.500	-	8.500
20	TH Nguyễn Huệ	Xuân Phú	7.500	-	7.500
21	TH Triệu Thị Trinh	Xuân Hưng	2.000	-	2.000
22	TH Lang Minh	Lang Minh	1.500	-	1.500
23	TH Lam Sơn (Phân hiệu Bàu Sình)	Suối Cao	4.500		4.500
24	TH Lê Văn Tám (Phân hiệu)	Xuân Trường	1.500		1.500
*	***Cấp học THCS***		**47.972**	**7.272**	**40.700**
1	THCS Nguyễn Hiền	Suối Cát	1.000	-	1.000
2	THCS Suối Cao	Suối Cao	4.500	4.000	500
3	THCS Trưng Vương	Xuân Hiệp	1.000		1.000
4	THCS Nguyễn Hữu Cảnh	Xuân Thành	2.500	-	2.500
5	THCS Phan Bội châu	TT Gia Ray	4.500	-	4.500
6	THCS Phan Chu Trinh	Lang Minh	1.500	-	1.500
7	THCS Lê Thánh Tông	Bảo Hòa	2.400	1.200	1.200
8	THCS Nguyễn Du	Xuân Định	14.000	-	14.000
9	THCS Lê Lợi	Xuân Trường	5.000	-	5.000
10	THCS Nguyễn Trãi	Xuân Thọ	4.572	2.072	2.500
11	THCS Trần Phú	Gia Ray	2.000	-	2.000
12	THCS Nguyễn Thái Bình	Xuân Bắc	2.500	-	2.500
13	THCS Xuân Hòa	Xuân Hoà	2.500	-	2.500
*	***Tiếp tục bổ sung các công trình đã có chủ trương đầu tư giai đoạn 2018-2020 nhưng chưa hoàn chỉnh***		**90.300**	**-**	**90.300**

Số TT	Danh mục công trình	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Tổng vốn đầu tư	Giai đoạn 2018-2020	Giai đoạn 2021-2025
1	Mầm non Xuân Hòa	Xuân Hòa	12.000		12.000
2	Mầm non Xuân Thọ	Xuân Thọ	1.500		1.500
3	Mầm non Trảng Táo	Xuân Thành	1.200		1.200
4	Mầm non Xuân Thành	Xuân Thành	10.000		10.000
5	TH Trịnh Hoài Đức	Xuân Hiệp	2.000		2.000
6	TH Nguyễn Khuyến	Xuân Thành	7.000		7.000
7	TH Xuân Định	Xuân Định	1.500		1.500
8	TH Hòa Hiệp	Xuân Hòa	1.200		1.200
9	TH Nguyễn Viết Xuân	Xuân Bắc	1.200		1.200
10	TH Lê Hồng Phong	Xuân Bắc	2.500		2.500
11	TH Minh Tân	Lang Minh	1.500		1.500
12	TH Lê Lai	Xuân Thọ	1.200		1.200
13	TH Lạc Long Quân	Xuân Phú	3.500		3.500
14	TH Trần Hưng Đạo	Xuân Hưng	11.000		11.000
15	THCS Ngô Sỹ Liên	Xuân Thành	2.500		2.500
16	THCS Lý Thường Kiệt	Xuân Phú	1.500		1.500
17	THCS Nguyễn Đình Chiểu	Xuân Tâm	12.000		12.000
18	THCS Nguyễn Công Trứ	Xuân Hưng	17.000		17.000

Ghi chú:

- Vốn giai đoạn 2018-2020: 145.736 triệu đồng, trong đó: vốn đầu tư công trung hạn của huyện 88.473 triệu đồng; còn lại 57.263 triệu đồng là nguồn vốn sự nghiệp mang tính chất đầu tư (chi từ nguồn kết dư ngân sách huyện).

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN LỘC

Biểu số 07

DANH MỤC ĐẦU TƯ CÁC CÔNG TRÌNH Y TẾ
(Nguồn vốn tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Vốn đầu tư *(triệu đồng)*	Giai đoạn 2018-2020 *(triệu đồng)*	Nguồn
	TỔNG CỘNG		**26.400**	**26.400**	
1	**Các công trình đã chấp thuận chủ trương đầu tư thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn của tỉnh**		**26.400**	**26.400**	
1	Trạm Y tế xã Lang Minh	Lang minh	8.000	8.000	tỉnh
2	Trạm Y tế xã Suối Cao	Suối Cao	9.400	9.400	tỉnh
3	Trạm Y tế xã Xuân Hưng	Xuân Hưng	9.000	9.000	
2	***Nâng cấp, đầu tư trạm y tế các xã, thị trấn***				

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN LỘC

Biểu số 08

DANH MỤC ĐẦU TƯ CƠ SỞ VẬT CHẤT VĂN HÓA
(Nguồn vốn huyện)

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Tên công trình	Tổng vốn đầu tư	Giai đoạn 2018-2020	Giai đoạn 2021-2025
	TỔNG CỘNG	**43.600**	**15.600**	**28.000**
I	**Công trình thuộc KH trung hạn của huyện giai đoạn 2018-2020:**	**10.800**	**10.800**	**0**
1	Cổng chào đường vào chùa Gia Lào	3.000	3.000	
2	Nhà văn hóa dân tộc Chơ ro xã Xuân Thọ	3.500	3.500	
3	Trung tâm VHTT-HTCĐ xã Xuân Hòa	500	500	
4	Cải tạo trung tâm VHTT-HTCĐ xã Xuân Hưng	800	800	
5	Nhà văn hóa dân tộc Stieng xã Xuân Hòa	3.000	3.000	
II	**Công trình xây dựng Nhà VHTT khu, ấp**	**4.800**	**4.800**	**0**
1	Nhà văn hóa ấp 2a	600	600	
2	Nhà văn hóa ấp 3a	600	600	
3	Nhà văn hóa ấp 3b	600	600	
4	Nhà văn hóa ấp 4a	600	600	
5	Nhà văn hóa ấp 5	600	600	
6	Nhà văn hóa Ấp Trung Hưng	600	600	
7	Nhà văn hóa Ấp Trung Lương	600	600	
8	Nhà văn hóa ấp Bàng Lăng	600	600	
III	**Sửa chữa 14 Trung tâm VHTT - HTCĐ tại các xã** (2 tỷ/ 1 trung tâm)	**28.000**		**28.000**